



www.ceco.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016



Địa chỉ: Số 21A Cát Linh, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-4) 38455777 Fax: (84-4) 38232325
Email: engineering@ceco.com.vn

MỤC LỤC

I. Thông tin chung.....	1
1. Thông tin khái quát.....	1
2. Quá trình hình thành và phát triển	1
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	2
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	3
5. Định hướng phát triển.....	9
6. Các rủi ro	10
II. Tình hình hoạt động trong năm	14
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	14
2. Tổ chức và nhân sự.....	15
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	22
4. Tình hình tài chính.....	23
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	24
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.....	25
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	25
2. Tình hình tài chính.....	25
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.	27
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	27
IV.Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	31
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	31
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	32
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	33
V. Quản trị Công ty	34
1. Hội đồng quản trị.....	34
2. Ban kiểm soát	40
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	45
VI.Báo cáo tài chính	47
1. Ý kiến kiểm toán.....	47
2. Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán	47
(Đính kèm theo phụ lục của báo cáo này)	47

DANH SÁCH BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ

Bảng 1: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016.....	14
Bảng 2: Số lượng hợp đồng ký trong năm 2016.....	15
Bảng 3: Danh sách thành viên Ban Giám đốc	15
Bảng 4: Số lượng cán bộ, nhân viên	22
Bảng 5: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động của VMEC trong năm 2016	22
Bảng 6: Tình hình tài chính	23
Bảng 7: Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	23
Bảng 8: Cơ cấu cổ đông.....	24
Bảng 9: Cổ đông lớn	24
Bảng 10: Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh.....	25
Bảng 11: Tình hình tài sản.....	25
Bảng 12: Nợ phải trả.....	26
Bảng 13: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.....	27
Bảng 14: Danh sách thành viên HĐQT	34
Bảng 15: Danh sách thành viên Ban kiểm soát	40
Bảng 16: Thù lao HĐQT, BKS.....	46
Bảng 17: Giao dịch của cổ đông nội bộ.....	46
Sơ đồ 1: Mô hình quản trị	3

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103520 đăng ký lần đầu ngày 24/02/2006 và thay đổi lần thứ 14 ngày 04/10/2016.
- Vốn điều lệ: 59.770.360.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 59.770.360.000 đồng
- Địa chỉ: 21 A, Cát Linh, P. Cát Linh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
- Số điện thoại: 84-(04)-3845 5777
- Số fax: 84-(04)-3823 2325
- Website: <http://ceco.com.vn/>
- Mã cổ phiếu (nếu có): CEC

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp hóa chất ngày nay tiền thân là Viện Thiết kế công nghiệp hóa chất, được thành lập từ năm 1967, tách ra từ Viện Thiết kế tổng hợp thuộc Bộ Công nghiệp Năng.

Năm 1973 Tổng cục Hóa chất quyết định đổi tên Viện Thiết kế công nghiệp hóa chất thành Công ty Thiết kế công nghiệp hóa chất.

Ngày 22 tháng 5 năm 1978 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 112 CP thành lập Viện thiết kế công nghiệp hóa chất với các nhiệm vụ chính như sau:

- Tiến hành nghiên cứu thí nghiệm các lĩnh vực khoa học kỹ thuật về quá trình công nghệ, thiết bị và máy hóa nhằm sớm đưa các công trình nghiên cứu ra phục vụ sản xuất, đổi mới kỹ thuật trong các nhà máy hóa chất đã xây dựng, từng bước trang bị kỹ thuật mới cho toàn bộ ngành công nghiệp hóa chất ở nước ta.

- Thiết kế các nhà máy, xí nghiệp sản xuất hóa chất trực tiếp phục vụ việc xây dựng và phát triển ngành công nghiệp hóa chất toàn quốc.

- Nghiên cứu giúp Tổng cục Hóa chất trong việc xét duyệt, tổ chức xây dựng các công trình và lựa chọn thiết bị hóa chất ... do nước ngoài đảm nhiệm.

- Viện Thiết kế công nghiệp hóa chất là đơn vị hoạt động khoa học thực hiện hạch toán kinh tế đầu tiên (từ năm 1977) của ngành hóa chất.

Năm 1993, để phù hợp với nền kinh tế thị trường, mở rộng thêm ngành nghề, Viện đã được Chính phủ đồng ý cho chuyển thành doanh nghiệp nhà nước với tên gọi Công ty Thiết kế công nghiệp hóa chất (Quyết định số 370/QĐ-TCNSDT ngày 17/6/1993) do Bộ Trưởng Bộ công nghiệp Năng ký).

Năm 2005 thực hiện chủ trương của Đảng và nhà nước về đổi mới doanh nghiệp nhà nước, Công ty đã lập phương án và được Bộ Công nghiệp phê duyệt, chuyển thành Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp hóa chất (Theo quyết định số 3493/QĐ-BCN ngày

24/10/2005) hoạt động theo luật doanh nghiệp.

Ngày 01/04/2006, Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và quy định của Luật Doanh nghiệp với mức vốn điều lệ ban đầu là 8.000.000.000 đồng.

Ngày 16/5/2011, Công ty đã được UBCKNN chấp thuận việc đăng ký Công ty đại chúng với mức vốn điều lệ là 17.579.520.000 đồng.

Ngày 29/05/2012, Công ty tổ chức lễ kỷ niệm 45 năm thành lập và vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất với sự tham dự của Ông Nguyễn Nam Hải- Thứ trưởng Bộ Công Thương. Trước niềm vinh dự lớn lao và tự hào này, Công ty cố gắng phấn đấu tiếp tục phát huy hơn nữa thành tích đã đạt được, đoàn kết nhất trí, đẩy mạnh lao động sản xuất, hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 và phấn đấu đứng trong nhóm 5 công ty tư vấn kỹ thuật hàng đầu của Việt Nam.

Ngày 08/02/2013, Công ty phát hành thành công cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 29.885.180.000 đồng.

Ngày 28/02/2014, Sở GDCK chấp thuận cho Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch là 2.988.518 cổ phần.

Ngày 20/09/2016, Công ty phát hành thành công cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 59.770.360.000 đồng.

Ngày 02/12/2016, Công ty đã hoàn thành việc đăng ký bổ sung chứng khoán tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch là 5.977.036 cổ phần.

3. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

❖ *Ngành nghề kinh doanh chính:*

- Thực hiện các đề tài nghiên cứu và phát triển; triển khai các dự án khoa học công nghệ; cung cấp dịch vụ khoa học công nghệ; xây dựng và chuyển giao sáng chế, giải pháp hữu ích, bản quyền công nghệ;
- Tư vấn quy hoạch phát triển ngành; tư vấn đầu tư; tư vấn kỹ thuật; tư vấn giám sát; cung cấp dịch vụ quản lý dự án và trợ giúp kỹ thuật;
- Khảo sát, thiết kế, hướng dẫn thi công;
- Kiểm tra, kiểm định, chứng nhận chất lượng công trình;
- Cung cấp dịch vụ môi trường;
- Tổng thầu các dự án tích hợp.

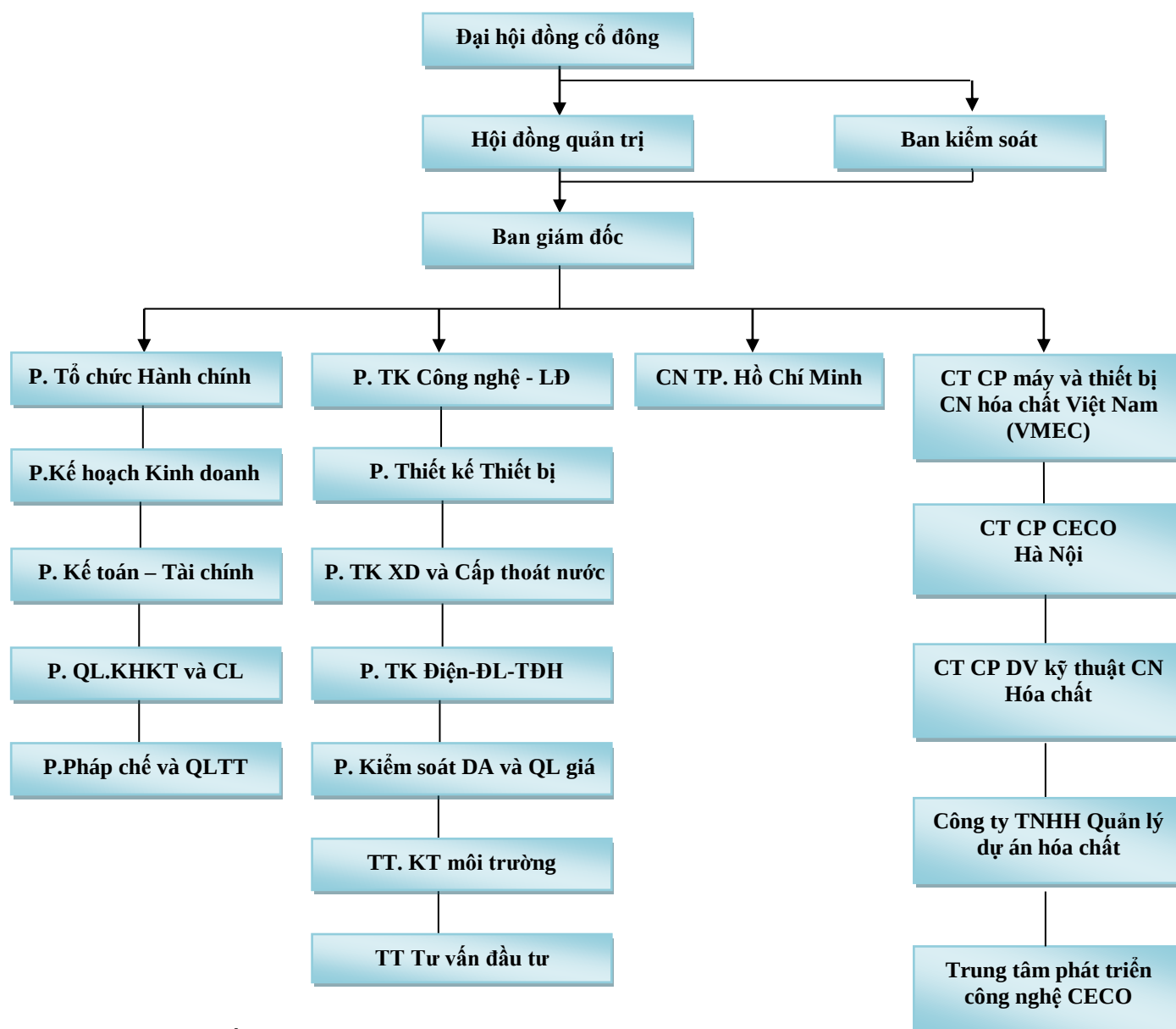
❖ *Địa bàn kinh doanh:*

Địa bàn kinh doanh trải khắp cả nước, tập trung ở các tỉnh: Lào Cai, Phú Thọ, Bắc Giang, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Hà Nội, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Thành Phố Hồ Chí Minh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị

Sơ đồ 1: Mô hình quản trị



4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

❖ Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

Công ty cổ phần thiết kế công nghiệp hóa chất được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006, luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

- Điều lệ Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp hóa chất được Đại hội đồng cổ

đồng thông qua ngày 29/10/2015, sửa đổi bổ sung ngày 12/9/2016.

- Thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 26/7/2012 quy định về Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng.

❖ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội cổ đông có các quyền: thông qua định hướng phát triển của Công ty, thông qua các nội dung hợp thường niên hàng năm; thông qua tổ chức lại và giải thể Công ty; Bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

❖ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hiện tại, Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất có năm (05) thành viên bao gồm một (01) Chủ tịch HĐQT và bốn (04) thành viên HĐQT. Danh sách thành viên HĐQT hiện tại như sau:

STT	Chức vụ	Họ và tên
1	Chủ tịch	Ông Đỗ Hiên Ngang
2	Thành viên	Ông Nguyễn Mạnh Hùng
3	Thành viên	Ông Đinh Đức Bộ
4	Thành viên	Ông Nguyễn Công Thắng
5	Thành viên	Ông Nguyễn Thủy Nguyên

❖ Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm ba (03) thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như: kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT; trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty. Danh sách thành viên Ban kiểm soát Công ty hiện tại như sau:

STT	Chức vụ	Họ và tên
1	Trưởng ban	Bà Trương Thị Minh Thu
2	Kiểm soát viên	Ông Nguyễn Văn Bang
3	Kiểm soát viên	Bà Trần Thị Minh Trang

❖ Ban Giám đốc

Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cơ cấu Ban Giám đốc của Công ty hiện nay như sau:

STT	Chức vụ	Họ và Tên
1	Giám đốc	Ông Nguyễn Mạnh Hùng
2	Phó giám đốc	Ông Văn Đức Thắng
3	Phó giám đốc	Ông Nguyễn Công Thắng
4	Phó giám đốc	Bà Nguyễn Hồng Hạnh

❖ Các phòng ban chức năng

🚦 Phòng Tổ chức – Hành Chính

- Nghiên cứu, xác lập cơ cấu tổ chức, bộ máy, chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Công ty và các đơn vị trong Công ty. Xây dựng kế hoạch, định biên lao động hàng năm và từng thời kỳ theo phương hướng, kế hoạch sản xuất, kinh doanh của Công ty;

- Quản lý công tác tổ chức - cán bộ theo quy định phân cấp quản lý. Nghiên cứu, xây dựng Tiêu chuẩn viên chức chuyên môn, nghiệp vụ của Công ty theo quy định của Nhà nước và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty phù hợp với từng giai đoạn phát triển Công ty trình Giám đốc duyệt Ban hành. Tham gia soạn thảo Nội quy lao động, Quy chế trả lương, Quy định, Văn bản, Quyết định về công tác tổ chức - cán bộ, nhân sự và liên quan trình Giám đốc duyệt ban hành hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xét duyệt, ban hành;

- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng, quy hoạch cán bộ, đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ trong Công ty. Chuẩn bị và đề xuất đề cấp có thẩm quyền đề bạt, bổ nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty. Lựa chọn đề cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ tại Công ty hoặc khi cơ quan ngoài tổ chức (kể cả đi tham quan, thực tập, nghiên cứu trong, ngoài nước) trình Giám đốc duyệt;

- Quản lý, sử dụng con dấu của Công ty theo đúng Quy định của Nhà nước và của Công ty. Xử lý Công văn "đi", "đến" trước khi trình Giám đốc Công ty giải quyết, chuyển và truyền đạt Công văn, Chỉ thị đến Đơn vị hoặc người thi hành. Thực hiện chế độ bảo mật tài liệu và công tác văn thư trong cơ quan.

🚦 Phòng Kế toán – Tài chính

- Tổ chức bộ máy kế toán để thực hiện toàn bộ công việc tài chính, kế toán thống kê ở Công ty;

- Thực hiện các công tác liên quan đến các nguồn lực tài chính cho các hoạt động của Công ty. Lập kế hoạch thu, chi tài chính và các báo cáo về hoạt động tài chính của Công ty;

- Đảm bảo thực hiện đúng đắn, đầy đủ chế độ thống kê, kế toán tài chính theo quy định của nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty;

- Hướng dẫn nghiệp vụ và kiểm soát việc thực hiện các quy định về kế toán, thống kê, hạch toán nội bộ của các đơn vị trực thuộc. Chỉ đạo các đơn vị trong Công ty thực hiện đúng các quy định của nhà nước và Công ty về chế độ thống kê, kế toán, tài chính;

- Đảm bảo thực hiện thu, chi tài chính đúng chế độ hiện hành của nhà nước và các quy định nội bộ của Công ty. Đảm bảo trích nộp đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ quy định về thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các nghĩa vụ khác đối với nhà nước;

- Thực hiện kiểm toán nội bộ, phân tích kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh và tình hình hoạt động tài chính của Công ty, đề xuất các biện pháp nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất, tăng doanh lợi, bảo toàn và phát triển vốn kinh doanh của Công ty;

- Nghiên cứu, xây dựng các quy chế, các hướng dẫn có liên quan đến quản lý tài ch
- inh, kế toán, thống kê và hạch toán nội bộ trong Công ty.

Phòng Kế hoạch – Kinh doanh

- Nghiên cứu, tìm hiểu thị trường, chiến lược phát triển ngành có liên quan để định hướng hoạt động và kế hoạch phát triển sản xuất, kinh doanh trước mắt và lâu dài của Công ty;

- Tìm hiểu, quan hệ với các đối tác và tiếp cận thị trường để kiến tạo việc làm và thương thảo hợp đồng kinh tế giữa Công ty với các đối tác trong và ngoài nước;

- Tổng hợp, cân đối, lập kế hoạch hàng tháng, quý, 6 tháng, năm và kế hoạch dài hạn về sản xuất, kinh doanh và các mặt hoạt động khác của Công ty, trình Giám đốc duyệt và bảo vệ kế hoạch trước cấp trên xét duyệt. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện theo kế hoạch được giao hoặc các công việc đột xuất khi Công ty yêu cầu.

- Phân tích đánh giá hiệu quả thực hiện các hợp đồng.

Phòng Pháp chế và Quản lý thông tin

- Thực hiện công tác pháp chế, tổ chức xây dựng quy chế; Kiểm tra, đánh giá, thanh tra nội bộ;

- Quản lý thông tin nội bộ, phát triển hệ thống tin học;
- Công tác cổ đông và quan hệ công chúng;
- Công tác thư ký lãnh đạo.

Phòng Quản lý khoa học, kỹ thuật và chất lượng

- Giám sát việc thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học và chất lượng của các bộ phận trong Công ty;

- Tổ chức và chủ trì việc biên soạn, cải tiến, phổ biến các tài liệu quản lý chất lượng.

- Giúp Giám đốc quản lý các hệ thống quản lý và đảm bảo chất lượng do Công ty đăng ký áp dụng. Thực hiện vai trò đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của ISO 9000 hiện áp dụng tại Công ty.

 Phòng Thiết kế Công nghệ - Lắp đặt

- Thực hiện công tác thiết kế, giám sát thuộc chuyên ngành công nghệ, lắp đặt thiết bị, đường ống và các hoạt động tư vấn xây dựng khác.

 Phòng Thiết kế Thiết bị

- Thực hiện công tác thiết kế, giám sát chế tạo thiết bị ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; Thực hiện các hoạt động tư vấn xây dựng khác.

 Phòng Thiết kế Xây dựng và Cấp thoát nước

- Thực hiện công tác thiết kế, giám sát thuộc chuyên ngành xây dựng, cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy và các hoạt động tư vấn xây dựng khác.

 Phòng Thiết kế Điện – Đo lường – Tự động hóa

- Thiết kế cung cấp điện động lực, chiếu sáng cho toàn bộ công trình, cho các nhà sản xuất chính và các công trình phụ trợ hành chính, sinh hoạt;

- Giám sát tác giả, giám sát thi công lắp đặt, tham gia điều chỉnh thiết kế cho phù hợp với thực tế thi công khi cần thiết, nghiệm thu chạy thử các hạng mục thiết kế thuộc trách nhiệm thiết kế của Phòng; Thẩm tra các hạng mục thiết kế điện - đo lường - tự động hóa có liên quan do cơ quan khác lập khi có yêu cầu.

 Phòng Kiểm soát dự án và Quản lý giá

- Quản lý xuyên suốt các dự án hỗn hợp do công ty giao, bao gồm: tổ chức dự thầu; chuẩn bị hợp đồng; lập kế hoạch thực hiện hợp đồng; kiểm soát quá trình thực hiện hợp đồng; thẩm tra hợp đồng phụ, đơn đặt hàng; tổ chức bàn giao và quyết toán thanh lý hợp đồng;

- Thực hiện công tác chuyên môn liên quan đến công tác kinh tế dự án, bao gồm: lập dự toán và bảng giá dự thầu, lập tổng dự toán, tổng mức đầu tư; phân tích kinh tế dự án, tính toán hiệu quả kinh tế dự án; thẩm tra dự toán, tổng mức đầu tư;

- Thu thập, cung cấp thông tin, tài liệu chuyên môn, nghiệp vụ và các văn bản pháp quy liên quan đến công tác dự toán, định mức, đơn giá; lập và quản lý dữ liệu về giá;

- Thẩm định giá nội bộ theo yêu cầu của Giám đốc công ty.

 Trung tâm Tư vấn Đầu tư

- Lập các nghiên cứu định hướng đầu tư ban đầu.

- Tư vấn chuẩn bị đầu tư, gồm:

+ Lập báo cáo đầu tư xây dựng công trình...

+ Lập các dự án đầu tư xây dựng công trình, tư vấn đấu thầu, tư vấn quản lý dự án

+ Thực hiện các dịch vụ khảo sát, điều tra liên quan đến công tác chuẩn bị đầu tư

- Tư vấn thực hiện đầu tư:

- + Lập hồ sơ mời thầu cho các Chủ đầu tư trong và ngoài nước
- + Tham gia các tổ chuyên gia tư vấn của các Chủ đầu tư, tư vấn giám sát
- + Phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Trung tâm Kỹ thuật môi trường

- Tổ chức thực hiện các dịch vụ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ và bảo vệ môi trường trong công trình công nghiệp hóa chất và các ngành công nghiệp khác liên quan.
- Tư vấn, nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới và thiết bị tiên tiến vào thiết kế xử lý môi trường trong công trình công nghiệp và dân dụng.

Các đơn vị trực thuộc

- Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Trụ sở tại: 37/76 Trần Đình Xu, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Văn phòng giao dịch tại: lầu 8, số 22 Lý Tự Trọng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

4.3. Các công ty con, công ty liên kết.

Công ty cổ phần Máy và Thiết bị hóa chất Việt Nam

- Trụ sở chính: Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.
- Vốn điều lệ: 22.425.000.000 đồng (*Bằng chữ: hai mươi hai tỷ, bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng*)
- Tỷ lệ sở hữu của CECO tại VMEC là: 55,33% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh chính: Gia công cơ khí, xử lý, tráng phủ kim loại; sản xuất, lắp đặt, sửa chữa các loại máy móc thiết bị; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Thiết kế lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ công trình công nghiệp hóa chất.

Công ty cổ phần CECO Hà Nội

- Trụ sở chính: 21A Phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: sáu tỷ đồng*)
- Tỷ lệ sở hữu của CECO tại Công ty CP CECO Hà Nội là: 51% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ thi công xây lắp nhỏ, sửa chữa chống ăn mòn các nhà máy hoá chất, khoáng sản.

Công ty CP dịch vụ Kỹ thuật và Công nghiệp hóa chất (CECOs)

- Trụ sở chính: 21A Phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: sáu tỷ đồng*)
- Tỷ lệ sở hữu của CECO tại CECOs là: 51% vốn điều lệ

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây lắp, sửa chữa, bảo trì các nhà máy nhiệt điện khu vực Hải Phòng, Quảng Ninh.

Công ty CP Công nghiệp hóa chất Tây Ninh (TANICHEM)

- Trụ sở chính: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Vốn điều lệ: 120.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: một trăm hai mươi tỷ đồng*)

Tỉ lệ sở hữu của CECO tại TANICHEM là: 1,14% vốn điều lệ

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Sản xuất phân bón.

 Công ty TNHH Quản lý dự án hóa chất

- Trụ sở chính: 21A, Cát Linh, Hà Nội

- Vốn điều lệ: 3.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: ba tỷ đồng*)

- Tỷ lệ sở hữu của CECO: 100% vốn điều lệ.

- Ngành nghề kinh doanh: dịch vụ cho thuê nhân lực quản lý dự án, dịch vụ tư vấn quản lý dự án công nghiệp.

 Trung tâm Phát triển công nghệ CECO

- Trụ sở chính: 21 A phố Cát Linh, phường Cát Linh, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

- Vốn điều lệ: 1.600.000.000 đồng (*Bằng chữ: một tỷ sáu trăm triệu đồng*)

- Tỷ lệ sở hữu của CECO: 100% vốn điều lệ.

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật hóa học, chế tạo máy, vật liệu trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất, hóa dược, dầu khí, thực phẩm, chế biến khoáng sản, năng lượng và môi trường.

+ Dịch vụ khoa học công nghệ: Tư vấn, chuyển giao công nghệ; Thí nghiệm; Tổ chức hội nghị, hội thảo; Tham gia đào tạo, Thông tin khoa học và công nghệ; Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực trên.

+ Sản xuất thử nghiệm các sản phẩm là kết quả của quá trình nghiên cứu trong lĩnh vực trên.

5. Định hướng phát triển

 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Lãnh đạo và cán bộ công nhân viên tập trung trí tuệ, luôn đổi mới nhận thức, tiếp cận tiến bộ khoa học kỹ thuật để hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, với cơ cấu giá trị hợp lý giữa ba nhóm công việc chính là tư vấn thiết kế, dịch vụ thi công xây lắp, mua sắm thiết bị và dịch vụ môi trường. Công ty đã và đang hướng tới những dự án tổng thầu EPC các công trình công nghiệp hóa chất lớn và các công trình công nghiệp khác liên quan.

- Giữ vững và phát huy vai trò là doanh nghiệp tư vấn thiết kế hàng đầu trong ngành công nghiệp hóa chất và các ngành công nghiệp khác liên quan.

- Phấn đấu đưa đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, cổ tức cho cổ

đồng năm sau bằng hoặc cao hơn năm trước.

- Xây dựng và phát triển thương hiệu, đưa CECO đứng trong hàng ngũ 5 đơn vị tư vấn hàng đầu của cả nước về thực hiện công việc tư vấn thiết kế và thi công xây lắp.

- Cung cấp hoàn chỉnh các đề án thiết kế và các dịch vụ tư vấn đầu tư, cung ứng, thi công xây dựng công trình và dịch vụ môi trường.

✚ Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Tăng cường công tác tiếp thị, thông tin thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh trong đó đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm thương hiệu doanh nghiệp để tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- Nâng cao hiệu quả công tác chi đạo, quản lý chất lượng, tiến độ các dự án đặc biệt là các dự án EPC.

- Tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, ký các thỏa thuận ghi nhớ hợp tác với các đối tác có thể mạnh riêng theo từng lĩnh vực để cùng tham gia mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

✚ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Luôn quan tâm đến lĩnh vực bảo vệ môi trường, tư vấn và định hướng cho khách hàng tiếp cận công nghệ sạch, công nghệ hữu cơ, vi sinh trong sản xuất phân bón và đổi mới công nghệ trong sản xuất hóa chất cơ bản, hóa chất tiêu dùng, nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

- Tích cực tham gia các phong trào vì trách nhiệm xã hội và cộng đồng do Bộ Công thương, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam và địa phương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở phát động.

6. Các rủi ro

6.1. Rủi ro về kinh tế

Nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro được hình thành từ sự biến động của các nhân tố kinh tế cơ bản như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Các doanh nghiệp, với vai trò là một trong các chủ thể của nền kinh tế cũng không nằm ngoài sự tác động của các nhân tố trên.

✚ Tốc độ tăng trưởng kinh tế và lạm phát

Từ năm 2008 đến nay, cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới nói chung và tình hình lạm phát nói riêng ở Việt Nam đã ở mức báo động. Trước bối cảnh kinh tế thế giới suy giảm khó lường, Việt Nam đã có chủ trương đúng về tập trung cho mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, bảo đảm tăng trưởng hợp lý.

Theo số liệu do Tổng Cục Thống kê công bố, năm 2011 là năm đầu tiên trong kế hoạch 5 năm (2011-2015). Kể từ 2011 đến nay, tăng trưởng kinh tế không chỉ về đích mà còn vượt kế hoạch. Trong đó, năm 2011, GDP tăng 6,24%, năm 2012 tăng 5,25%, năm 2013 tăng 5,42% và năm 2014 tăng 5,98%. So với kế hoạch chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế

5,8% mà Quốc hội đưa ra thì năm 2014 đạt 5,98%. Năm 2015 với 6,68% là chỉ số ấn tượng nhất cho thấy nền kinh tế phục hồi rất rõ nét, cao hơn mức tăng của các năm 2011-2014. Đặc biệt, mức tăng trưởng năm 2015 tăng cao hơn mức bình quân của giai đoạn 2008-2010 là 6,14% bởi đây là giai đoạn ảnh hưởng của lạm phát và suy thoái kinh tế thế giới.

Số liệu của Tổng cục Thống kê công bố ngày 28/12/2016 cho thấy, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2016 ước tính tăng 6,21%. Mức tăng này thấp hơn 6,68% của năm 2015 và không đạt mục tiêu đề ra là 6,7%. Tuy nhiên, so với mức tăng GDP của giai đoạn 2007 trở về trước có mức tăng 7% trở lên thì mức GDP này còn thấp hơn nhiều.

Nhờ các chủ trương đúng đắn và sự chỉ đạo kiên quyết của chính phủ, các ngành, các địa phương, tình trạng lạm phát được đánh giá đã được kiểm soát, giảm khá đều đặn từ 23% thời điểm tháng 8/2011 còn 5% thời điểm tháng 8/2012. Năm 2013, với mục tiêu hàng đầu là kiềm chế lạm phát, tỷ lệ lạm phát đã được Chính phủ đưa xuống ở mức 6%. Tính chung cả năm 2014, lạm phát chỉ tăng 1,84%. Lạm phát năm 2015 ở mức thấp kỷ lục trong 14 năm gần đây, chưa tới 1% - chỉ 0,6%, thấp xa mục tiêu điều hành 5%. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, ở một nền kinh tế như Việt Nam, ngưỡng lạm phát 7% mới là hợp lý để nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng cao. Đây là điều rất đáng lưu tâm trong bối cảnh hiện nay.

Theo Tổng cục Thống kê công bố cho thấy, lạm phát năm 2016 chỉ là 4,74%, thấp hơn mục tiêu đề ra là 5%. Cũng nhờ những kết quả này, 2016 được coi là năm thành công của Việt Nam trong việc kiểm soát lạm phát trong điều kiện giá cả nhiều mặt hàng do Nhà nước quản lý tiệm cận dần thị trường, theo đánh giá của Tổng cục Thống kê.

Lãi suất

Đối với một doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất xảy ra khi chi phí lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay. Từ năm 2010 cho đến nay, lãi suất có biểu hiện tăng cao, tiếp tục biến động mạnh và diễn biến phức tạp, năm 2011, để ưu tiên ổn định nền kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, Chính phủ và ngân hàng nhà nước liên tục phát đi các tín hiệu thắt chặt tiền tệ, khiến lãi suất ngân hàng liên tục tăng cao. Năm 2011, lãi suất cho vay doanh nghiệp kỳ hạn 6 tháng – 1 năm dao động ở mức 20 – 22%/năm, thậm chí một số ngân hàng còn tự đặt ra một số loại phí, khiến mức lãi suất thực các doanh nghiệp phải vay có thể lên tới 27%/năm. Cuối năm 2011 sang đầu năm 2012, lãi suất tuy đã có dấu hiệu giảm, tuy nhiên mức lãi suất cho vay của các Ngân hàng thương mại vẫn giữ ở mức phổ biến là 21%/năm; với mức lãi suất này khó có doanh nghiệp nào sản xuất kinh doanh hiệu quả để bù lãi mà vẫn có lợi nhuận. Tuy nhiên, đến cuối năm 2013 và kéo dài đến nửa đầu năm 2015, lãi suất ngân hàng đã giảm do lạm phát tiếp tục được kiểm soát trong mức 6% - 7% theo mục tiêu Chính phủ đề ra.

Tháng 4/2016, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã chỉ đạo Ngân hàng Nhà nước xem xét giảm lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, kích nền kinh tế phát triển. Sau đó gần 6 tháng, các ngân hàng mới có thể bắt đầu thực hiện theo chỉ đạo của

Thủ tướng. Theo thống kê của Ngân hàng Nhà nước, tháng 10-2016, mặt bằng lãi suất cho vay tiền đồng phổ biến đối với các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6-7%/năm đối với ngắn hạn. Các ngân hàng thương mại nhà nước áp dụng lãi suất cho vay trung và dài hạn phổ biến đối với các lĩnh vực ưu tiên ở mức 9-10%/năm.

Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8-9%/năm đối với ngắn hạn, 9,3-11%/năm đối với trung và dài hạn. Đối với nhóm khách hàng tốt, tình hình tài chính lành mạnh, minh bạch, lãi suất cho vay ngắn hạn 4-5%/năm.

Lãi suất cho vay bằng đô la Mỹ hiện phổ biến ở mức 2,8-6%/năm, trong đó lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến ở mức 2,8-5%/năm, lãi suất cho vay trung, dài hạn ở mức 5-6%/năm.

Trong một nền kinh tế chung chưa phục hồi ổn định, tăng trưởng chậm và tiềm ẩn nhiều rủi ro sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp. Những biến động của nền kinh tế Việt Nam nói riêng và nền kinh tế thế giới nói chung có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất. Do đó những dự báo về triển vọng phát triển trong tương lai cũng như những kế hoạch kinh doanh đã đề ra của CECO có thể thay đổi theo biến động của nền kinh tế.

Thị trường:

Tình hình kinh tế xã hội khó khăn chung từ năm 2015. Trong năm 2016, kinh tế nước ta tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Tăng trưởng kinh tế, thương mại toàn cầu thấp hơn so với dự báo; giá nhiều hàng hóa cơ bản và giá dầu thô ở mức thấp.

Các dự án đầu tư nói chung và các dự án về sản xuất công nghiệp nói riêng giảm đáng kể do đó ảnh hưởng rất nhiều đến việc cạnh tranh cơ hội tiếp cận các dự án của Công ty.

Hiện nay cũng đã xuất hiện rất nhiều các công ty trong và ngoài nước tại Việt Nam có quy mô tương tự hoặc lớn hơn, có năng lực và trình độ chuyên nghiệp tham gia vào thị trường tư vấn thiết kế, mua sắm và thi công xây lắp thuộc lĩnh vực Phân bón và Hóa chất đã ảnh hưởng trực tiếp đến thị phần của Công ty.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không bền vững, phụ thuộc phần lớn vào hợp đồng EPC Muối mỏ Lào, không có dự án gối đầu nên gặp khó khăn khi dự án này tạm dừng thực hiện.

Cạnh tranh quyết liệt của các doanh nghiệp tư nhân, các doanh nghiệp đã cổ phần mà nhà nước chiếm giữ dưới 50% vốn điều lệ.

6.2. Rủi ro về luật pháp

Là một công ty cổ phần hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh chủ yếu từ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật đấu thầu, Luật Xây dựng và các chính sách có liên quan của Chính phủ. Nhìn chung, với hệ thống luật pháp và chính sách đã và đang được hoàn thiện theo hướng đồng bộ, nhất quán như hiện nay sẽ tạo ra một hành lang pháp lý thông thoáng, bình đẳng cho mọi

thành phần kinh tế cũng như đáp ứng được các chuẩn mực, thông lệ quốc tế. Điều này sẽ tạo nhiều thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất nói riêng.

Tuy nhiên, hiện nay, trong quá trình hoạt động, CECO nói riêng và các doanh nghiệp trên cả nước nói chung luôn phải đối mặt với những rủi ro tiềm ẩn. Các rủi ro có thể bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân trong đó rủi ro pháp lý phát sinh từ việc tuân thủ pháp luật, thay đổi chính sách áp dụng pháp luật của công ty và các mâu thuẫn giữa pháp luật trong nước và cam kết quốc tế là một trong những rủi ro gây hậu quả nghiêm trọng nhất ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Hệ thống các qui định của pháp luật do nhà nước ban hành thay đổi quá nhiều (đặc biệt là Luật Đấu thầu; Luật Xây dựng; các Nghị định, Thông tư về quản lý dự án ĐTXDCT, quản lý chất lượng, hợp đồng, quản lý chi phí ...), đặc biệt các gói thầu xây lắp có giá trị < 5 tỷ chỉ các công ty nhỏ và siêu nhỏ được thực hiện làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến các dự án mà Công ty đã tiếp thị trước đây.

Ngoài ra, công ty phải tuân thủ theo các quy định pháp lý về lựa chọn bổ nhiệm các chức danh liên quan đến dự án (chủ nhiệm lập dự án, chủ nhiệm thiết kế...). Khi thực thi dự án, do sự bất cẩn hay sai sót của các chức danh chủ nhiệm lập dự án hay chủ nhiệm thiết kế... khiến công ty gặp rủi ro làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

Các rủi ro pháp lý này ngày càng gia tăng cùng với sự phát triển của công ty, đặc biệt trong bối cảnh những biến động phức tạp về tình hình kinh tế Việt Nam và trên thế giới hiện nay. Vì vậy, nhận diện các rủi ro pháp lý sẽ giúp công ty chủ động trong việc phòng chống, quản trị được những rủi ro hữu hiệu nhất.

Công ty là công ty đại chúng, đã thực hiện đăng ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Do đó, Công ty phải thực hiện các quy định công bố thông tin theo các văn bản luật, các Thông tư hướng dẫn liên quan rất chặt chẽ.

6.3. Rủi ro đặc thù

Công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn đầu tư xây dựng trong ngành công nghiệp hóa chất và công nghiệp khác liên quan nên công ty cũng chịu những rủi ro của ngành liên quan đến hoạt động kinh doanh.

- Rủi ro về chất lượng các sản phẩm tư vấn: Công ty tuân thủ chặt chẽ các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng trong việc lập dự án và trong khâu thiết kế. Tuy nhiên, trong quá trình lập dự án và trong khâu thiết kế, công ty có thể gặp rủi ro khi các quy chuẩn, tiêu chuẩn của dự án không phù hợp với thông lệ quốc tế, hay không phù hợp với các công ty thiết kế.

- Ngoài ra, công ty phải tuân thủ theo các quy định pháp lý về lựa chọn bổ nhiệm các chức danh liên quan đến dự án (chủ nhiệm lập dự án, chủ nhiệm thiết kế...). Khi thực thi dự án, do sự bất cẩn hay sai sót của các chức danh chủ nhiệm lập dự án hay chủ nhiệm thiết kế... khiến công ty gặp rủi ro làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

- Rủi ro trong việc thực hiện các gói thầu EPC: Công ty gặp phải rủi ro liên quan đến quy định về đền bù vật chất khi thiết kế sai, dẫn đến hư hỏng công trình, không đảm bảo chất lượng thiết bị, công suất, chất lượng sản phẩm...

6.4. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh trong khu vực và trên thế giới đều có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động của công ty, các bất ổn về kinh tế, xã hội trong khu vực cũng như trên thế giới cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty. Vì vậy, công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin về những diễn biến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của Việt Nam cũng như các nước lân cận để lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, cơ cấu lại quy mô đầu tư của các sản phẩm mà công ty cho là phù hợp.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2016, tình hình sản xuất kinh doanh của các đơn vị sản xuất phân bón thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, đặc biệt là sản xuất DAP và Urê gặp nhiều khó khăn do giá sản phẩm cao không cạnh tranh được với hàng nhập khẩu, hàng tồn kho nhiều. Do ảnh hưởng những khó khăn của các đơn vị thuộc Tập đoàn, Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất cũng gặp nhiều khó khăn trong việc khai thác các hợp đồng mới do các dự án đầu tư mới không có, các dự án dự kiến triển khai bị dừng hoặc giãn tiến độ đầu tư. Trong năm 2016, Ngoài dự án Muối Lào, Công ty chủ yếu thực hiện các hợp đồng thiết kế và thi công nhỏ, khối lượng công việc các dự án lớn như DAP số 2, Đạm Hà Bắc chủ yếu thực hiện công tác quyết toán, bảo hành. Việc dự án Muối Lào bị giãn tiến độ, không đạt kế hoạch dự kiến trực tiếp làm sản lượng và doanh thu của Công ty năm 2016 không đạt được chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Bảng 1: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2015 (Đồng)	Năm 2016 (Đồng)	Tăng giảm so với 2015 (%)
1	Tổng giá trị tài sản	306.483.294.092	386.621.380.748	26,15 %
2	Doanh thu thuần	292.830.077.270	257.663.466.793	-12,00 %
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.153.133.444	10.772.889.548	109,06 %
4	Lợi nhuận khác	5.080.516.416	992.797.919	-80,46 %
5	Lợi nhuận trước thuế	10.233.649.860	11.765.687.467	14,97 %
6	Lợi nhuận sau thuế	7.866.303.473	8.908.177.990	13,25 %
7	Tỷ lệ cổ tức (%)/ mệnh giá cổ phần	20%	10%	-50%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2016; Nghị quyết Hội nghị ĐHĐCĐ Thường niên năm 2017)

Bảng 2: Số lượng hợp đồng ký trong năm 2016

Nội dung	Giá trị HD (tỷ đồng)	Số lượng Hợp đồng
Tư vấn Thiết kế	25,462	38
Thi công, xây lắp	70,357	60
Dịch vụ khác	0,482	4
Tổng cộng	93,301	102

(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm 2016)

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban giám đốc và lý lịch các thành viên

❖ Danh sách thành viên Ban Giám đốc

Bảng 3: Danh sách thành viên Ban Giám đốc

STT	Chức vụ	Họ và tên
1	Giám đốc	Ông Nguyễn Mạnh Hùng
2	Phó Giám đốc	Ông Văn Đức Thắng
3	Phó Giám đốc	Ông Nguyễn Công Thắng
4	Phó Giám đốc	Bà Nguyễn Hồng Hạnh

❖ Lý lịch thành viên

Họ và tên	: Nguyễn Mạnh Hùng
Số CMND	: 011425292 Ngày cấp: 12/10/2004 Tại: Công an Hà Nội
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 21/01/1961
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Phường Cự khôi, Quận Long Biên, Hà Nội
Địa chỉ thường trú	: Số 26, Ngách 75, ngõ Thịnh Hào 1, phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, Đống Đa, Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác

Thời gian	Quá trình công tác
Từ năm 1985 đến tháng 9/2000	: Nhân viên phòng thiết kế xây dựng, CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất.
Từ tháng 10/2000 đến tháng 12/2007	: Phó phòng Thiết kế Xây dựng CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
Từ năm 2008 đến tháng 1/2011	: Công tác tại Ban Đầu tư xây dựng – Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất.
Từ tháng 2/2011 đến tháng 6/2011	: Phó Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất.
Từ tháng 7/2011 đến tháng 3/2011	: Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất.
Từ tháng 4/2011 đến nay	: Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất. Thành viên HĐQT CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất.
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Thành viên HĐQT CTCP Tư vấn đầu tư và Xây dựng Mỏ (INCODEMIC)
Số cổ phần nắm giữ	: – Số cổ phần sở hữu cá nhân: 36.400 cổ phiếu – chiếm 0,61% vốn điều lệ – Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 836.786 cổ phiếu - Chiếm 14% VDL.
Số cổ phần của người có liên quan	: 4.922 cổ phiếu, chiếm 0,08% VDL.
- <i>Họ tên người có liên quan</i>	: <i>Nguyễn Đình Hoàng</i>
- <i>Quan hệ</i>	: <i>Con ruột</i>
- <i>Chức vụ tại tổ chức giao dịch</i>	: <i>Không</i>
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	: Thù lao HĐQT CECO 5.000.000 VNĐ/tháng, hưởng lương theo quy chế
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không

Họ và tên	: Văn Đức Thắng
Số CMND	: 011076611 do Công an Hà Nội cấp.
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 23/3/1964
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Hải Phú – Hải Lăng – Quảng Trị

Địa chỉ thường trú : Số 18,B20 Hoàng Ngọc Phách-Đống Đa-Hà Nội
 Chỗ ở hiện tại : Số 18,B20 Hoàng Ngọc Phách-Đống Đa-Hà Nội
 Trình độ văn hóa : 10/10
 Trình độ chuyên môn : Kiến trúc sư

Quá trình công tác

Thời gian	Quá trình công tác
Từ tháng 6/1987 đến tháng 6/2002	Nhân viên Phòng Thiết kế xây dựng CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất.
Từ tháng 7/2002 đến tháng 3/2006	Phó phòng Kế hoạch kinh doanh CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất .
Từ tháng 4/2006 đến tháng 10/2008	Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất .
Từ tháng 11/2008 đến nay	Phó Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất.
Từ tháng 11/2015 đến nay	Phó Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất; Chủ tịch HĐQT công ty CP CECO Hà Nội
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Phó Giám đốc Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ	– Số cổ phần sở hữu cá nhân: 3.800 cổ phiếu – chiếm 0,06% vốn điều lệ – Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu – Chiếm 0% VDL
Số cổ phần của người có liên quan	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Thù lao HĐQT Công ty CP CECO Hà Nội: 2.000.000 VNĐ/tháng. Hưởng lương theo quy chế.
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

Họ và tên : **Nguyễn Công Thắng**

Số CMND : 011637754 ngày cấp: 28/10/2004 tại: Công an Hà Nội
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 26/04/1974
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : TP Thái Bình- tỉnh Thái Bình
 Địa chỉ thường trú : Số 3, ngõ 63 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội
 Chỗ ở hiện tại : C1802. Chung cư Đất phương nam đường Chu Văn An, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Máy và TBCN Hóa chất – Dầu khí

Quá trình công tác

Thời gian	Quá trình công tác
Từ năm 1996 đến tháng 4/1999	Nhân viên Phòng Thiết kế công nghệ CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 5/1999 đến tháng 3/2006	Trưởng phòng kinh tế nghiệp vụ CN CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP Hồ Chí Minh
Từ tháng 4/2006 đến tháng 3/2008	Trưởng phòng cung ứng CN CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP Hồ Chí Minh
Từ tháng 4/2008 đến tháng 7/2009	Phó Giám đốc CN CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP Hồ Chí Minh.
Từ tháng 8/2009 đến tháng 3/2012	Trưởng phòng Quản lý thông tin & đấu thầu CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 04/2011 đến tháng 01/2012	Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Quản lý thông tin & đấu thầu Công ty CP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 02/2012 đến tháng 03/2012	Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Quản lý thông tin & đấu thầu Công ty CP Thiết kế công nghiệp Hóa chất. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Máy và Thiết bị công nghiệp Hóa chất Việt Nam (VMEC)
Tháng 5/2014	Từ nhiệm vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị VMEC.
Từ tháng 4/2012 đến tháng 01/2015	Giám đốc Chi nhánh CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP Hồ Chí Minh. Thành viên HĐQT CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 01/2015 đến nay	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	TV HĐQT, Phó Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Chủ tịch Công ty TNHH Quản lý dự án hóa chất (CPMC).

- Số cổ phần nắm giữ : – Số cổ phần sở hữu cá nhân: 103.398 cổ phiếu – chiếm 1,73% vốn điều lệ
– Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu - Chiếm 0% VDL
- Số cổ phần của người có liên quan : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao HĐQT: 5.000.000 VNĐ/tháng, hưởng lương theo quy chế tại CPMC
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Họ và tên	: Nguyễn Hồng Hạnh
Số hộ chiếu	: B3429729 cấp ngày 04/09/2009 tại Cục XNC Việt Nam
Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 28/01/1976
Quốc tịch	: Việt Nam
Quê quán	: Thái Nguyên
Hộ khẩu thường trú	: P.516A, nhà C5, Khu tập thể Nghĩa Tân, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Chỗ ở hiện tại	: A1103, Chung cư Mulberry Lane, khu đô thị Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội.
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư kinh tế hóa chất

Quá trình công tác

Thời gian	Quá trình công tác
Từ tháng 6/1997 đến tháng 8/2009	: Kỹ sư - Phòng Thiết kế Công nghệ Lắp đặt thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
Từ tháng 8/2009 đến tháng 7/2011	: Phó trưởng phòng – Phòng Quản lý thông tin và Đấu thầu thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 7/2011 đến	: Phó trưởng phòng – Phòng Kế hoạch Kinh doanh thuộc

tháng 12/2011	Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 01/2012 đến tháng 10/2013	Trưởng phòng - Phòng Kế hoạch Kinh doanh thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 11/2013 đến tháng 7/2014	Phó trưởng phòng - Phòng Dự án DAP2 thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
Từ tháng 7/2014 đến tháng 03/2014	Trưởng phòng - Phòng Kế hoạch Kinh doanh thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 04/2014 đến tháng 04/2016	Trưởng phòng - Phòng Kế hoạch Kinh doanh thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất; Thành viên HĐQT CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất.
Từ tháng 05/2016 đến nay	Phó giám đốc Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Phó giám đốc Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Công nghiệp hóa chất (CECOs)
Số cổ phần nắm giữ	– Số cổ phần sở hữu cá nhân: 600 cổ phiếu – chiếm 0,01% vốn điều lệ. – Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu - chiếm 0% VDL
Số cổ phần của người có liên quan	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Thù lao HĐQT CECOs: 2.000.000 VNĐ/tháng, hưởng lương theo quy chế.
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

2.2. Kế toán trưởng

Họ và tên	: Đinh Đức Bộ
Số CMND	: 034062000580 ngày cấp: 24/11/2014 tại: Cục CSĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 20/07/1962

Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Xã Việt Hùng, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình
Hộ khẩu thường trú : P.502b-TT Viện TKCNHC, Tôn Đức Thắng, Đống Đa, Hà Nội.
Chỗ ở hiện tại : Số 14, hẻm 76/1, ngõ Thịnh Hào 1, Tôn Đức Thắng, Đống Đa, Hà Nội.
Trình độ văn hóa : 10/10
Trình độ chuyên môn : Cử nhân vật giá.

Quá trình công tác

Thời gian	Quá trình công tác
Từ năm 1987 đến tháng 10/1995	: Phụ trách kế toán tại xí nghiệp sản xuất hóa chất trực thuộc CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất (CECO).
Từ tháng 11/1995 đến 2000	: Nhân viên kế toán tại phòng Tài chính Kế toán CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất .
Từ 2001 đến tháng 3/2006	: Phó trưởng phòng tài chính kế toán CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất
Từ tháng 4/2006 đến tháng 3/ 2011	: Kế toán trưởng CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất.
Từ tháng 4/2011 đến nay	: Kế toán trưởng, Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: TV HĐQT, Kế toán trưởng Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Trưởng BKS Công ty CP Máy và TBCN Hóa chất Việt Nam (VMEC)
Số lượng cổ phần nắm giữ	: – Số cổ phần sở hữu cá nhân: 75438 cổ phiếu – chiếm 1,26% vốn điều lệ. : – Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần của người có liên quan	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	: Thù lao TV HĐQT CECO: 5.000.000 VNĐ/tháng, lương theo quy chế

Thù lao Trưởng BKS VMEC: 1.500.000 VNĐ/tháng.

Lợi ích liên quan đối : Không
với Công ty

2.3. Những thay đổi trong ban điều hành:

Ngày 28/04/2016, Hội đồng quản trị Công ty đã ra Quyết định bổ nhiệm bà Nguyễn Hồng Hạnh - Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh giữ chức vụ Phó giám đốc Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất kể từ ngày 01/05/2016.

2.4. Số lượng cán bộ, nhân viên.

Bảng 4: Số lượng cán bộ, nhân viên

TT	Nội dung	Số người
1	Trình độ đại học trở lên	137
2	Trình độ cao đẳng và trung cấp, sơ cấp	15
3	Công nhân kỹ thuật	2
4	Lao động phổ thông	1
Tổng cộng		155

(Nguồn: Danh sách lao động tại thời điểm 31/12/2016)

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn trong năm 2016:

- Mua xe 7 chỗ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh: 3.052 triệu đồng.
- Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần CECO Hà Nội với số tiền là 3.060.000.000 đồng (Ba tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng), chiếm 51% vốn điều lệ.
- Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật công nghiệp hóa chất với số tiền là 3.060.000.000 đồng (Ba tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng), chiếm 51% vốn điều lệ.
- Thành lập Trung tâm phát triển công nghệ CECO (gọi tắt là CETD) với vốn điều lệ là 1.600 triệu đồng.
- Thành lập Công ty TNHH Quản lý dự án hóa chất (CPMC) trực thuộc CECO: 3 tỷ đồng.

b) Các công ty con:

Bảng 5: Các công ty con của công ty

STT	Công ty con	Lợi ích và quyền biểu quyết của công ty	
		Năm 2015	Năm 2016
1	Công ty cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp hóa chất Việt Nam	55,33%	55,33%
2	Công ty cổ phần CECO Hà Nội	51 %	51 %
3	Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật Công nghiệp hóa chất	51 %	51 %

STT	Công ty con	Lợi ích và quyền biểu quyết của công ty	
		Năm 2015	Năm 2016
4	Công ty TNHH quản lý dự án hóa chất	100 %	100 %
5	Trung tâm phát triển công nghệ CECO	100 %	100 %

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2016)

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Bảng 6: Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ lệ 2016/2015
Tổng giá trị tài sản (đồng)	306.483.294.092	386.621.380.748	126,15 %
Doanh thu thuần (đồng)	292.830.077.270	257.663.466.793	87,99 %
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (đồng)	5.153.133.444	10.772.889.548	209,06 %
Lợi nhuận khác (đồng)	5.080.516.416	992.797.919	19,54 %
Lợi nhuận trước thuế (đồng)	10.233.649.860	11.765.687.467	114,97 %
Lợi nhuận sau thuế (đồng)	7.866.303.473	8.908.177.990	113,25 %
Tỷ lệ cổ tức (%/mệnh giá cổ phần)	20%	10%	50%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2016)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Bảng 7: Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,15	1,27	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ- Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,96	0,63	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	78,91	72,73	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	374,16	266,75	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,96	0,67	
+ Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	5,49	1,67	

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,69	3,46	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	12,17	8,45	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,56	2,30	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,76	4,18	

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2016 của CECO)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 5.977.036 cổ phần

Cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 5.977.036 cổ phần

Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông

✚ Cơ cấu cổ đông của Công ty

Bảng 8: Cơ cấu cổ đông

STT	Cổ đông	Số lượng	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông Nhà nước	01	1.787.492	29,91%
2	Cổ đông tổ chức			
2.1	Tổ chức trong nước	02	34.801	0,58%
2.2	Tổ chức nước ngoài	01	8.300	0,14%
3	Cổ đông cá nhân			
3.1	Cá nhân trong nước	177	4.146.243	69,37%
3.2	Cá nhân nước ngoài	01	200	0,003%
Tổng cộng			5.977.036	100,00%

(Nguồn: Danh sách cổ đông do VSD chốt tại thời điểm ngày 15/03/2017)

✚ Thông tin chi tiết cổ đông lớn

Bảng 9: Cổ đông lớn

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ĐKKD	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Số 1A Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	0100100061	1.787.492	29,91%
2	Dương Thị Huyền Uyên	33 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	017389681	1.011.026	16,92%
3	Nguyễn Thị Yến Hoa	412B, A25 KTT Nghĩa Tân Cầu Giấy	194253203	960.882	16,08%

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ĐKKD	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
4	Đông Thị Thắm	Hà Nội Chung cư HH1B Linh Đàm, Hoàng Mai Hà Nội	060845279	1.106.631	18,51%
5	Đỗ Hiên Ngang	61/36 Bình Giã, P13, Tân Bình TPHCM	024241861	332.000	5,55%
Tổng cộng					

(Nguồn: Danh sách cổ đông do VSD chốt tại thời điểm ngày 15/03/2017)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2016, Công ty tiến hành tăng vốn điều lệ, mức vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 là 59.770.360.000 đồng tương đương 5.977.036 cổ phần.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 10: Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH năm 2015	KH năm 2016	TH năm 2016	Tỷ lệ % TH/KH 2016	Tỷ lệ % TH 2016/ 2015
Tổng doanh thu	293.081	640.000	258.514	40,39%	88,21%
Tổng chi phí	282.847		246.748		87,24%
Lợi nhuận trước thuế	10.234	18.000	11.766	65,37%	114,97%
Thuế TNDN	2.367		2.858		120,74%
Lợi nhuận sau thuế	7.867		8.908		113,23%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017)

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Bảng 11: Tình hình tài sản

TT	Nội dung	Năm 2015	Năm 2016	Thay đổi 2016 so với 2015 (%) (Tăng, giảm)
----	----------	----------	----------	--

TT	Nội dung	Năm 2015	Năm 2016	Thay đổi 2016 so với 2015 (%) (Tăng, giảm)
1	Tổng tài sản	306.483.294.092	386.621.380.748	26,15 %
2	Tài sản ngắn hạn	276.630.305.127	356.191.688.257	28,76 %
3	Phải thu ngắn hạn	107.658.585.742	144.679.521.657	34,39 %
4	Tài sản dài hạn	29.852.988.965	30.429.692.491	1,93 %
5	Phải thu dài hạn	6.870.145.487	86.712.526	-98,74 %

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2016)

b) Tình hình nợ phải trả

Bảng 12: Nợ phải trả

TT	Nội dung	Năm 2015	Năm 2016	Thay đổi 2016 so với 2015 (%) (Tăng, giảm)
I	I. Nợ ngắn hạn	240.142.544.723	280.819.995.593	16,94 %
1	Vay và nợ ngắn hạn	9.498.779.797	14.071.937.544	48,15 %
2	Phải trả người bán	39.182.995.275	42.650.685.151	8,85 %
3	Người mua trả tiền trước	145.023.402.027	189.791.307.501	30,87 %
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.339.896.696	4.069.412.442	21,84 %
5	Phải trả người lao động	2.259.621.453	7.636.641.078	237,96 %
6	Chi phí phải trả	39.859.675.035	21.448.651.127	-46,19 %
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	503.948.427	964.281.875	91,35 %
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	474.226.013	187.078.875	-60,55 %
II	II. Nợ dài hạn	1.703.264.477	383.524.093	-77,48 %
1	Phải trả dài hạn khác	43.310.419	-	-
2	Vay dài hạn	-	-	-
3	Quỹ dự phòng phải trả dài hạn	995.929.965	-	-
4	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	664.024.093	383.524.093	-42,24 %
III	Tổng Nợ phải trả	241.845.809.200	281.203.519.686	16,27 %

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2016)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III (được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 bầu ngày 23/4/2016) của Công ty đã sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ từ ngày 01/5/2016, như sau:

- HĐQT miễn nhiệm 39 chức danh cán bộ quản lý, điều hành của Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất nhiệm kỳ II (2011-2015) kể từ ngày 01/5/2016 và đã ban hành quyết định bổ nhiệm 30 cán bộ quản lý, điều hành Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất nhiệm kỳ III (2016-2020) kể từ ngày 01/5/2016.

- Thành lập Phòng Kiểm soát dự án và Quản lý giá trên cơ sở sáp nhập Phòng Kinh tế Dự toán và Phòng Quản lý dự án.

- Thành lập Công ty TNHH Quản lý dự án hóa chất (do CECO làm chủ sở hữu).

- Thành lập Trung tâm nghiên cứu khoa học công nghệ CECO (CETD).

- Sắp xếp, tái cấu trúc, điều động nhân sự phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty theo từng thời điểm.

- Sắp xếp, bố trí lại lao động của khối gián tiếp cho phù hợp nhằm giảm biên lao động khối gián tiếp phù hợp với cơ cấu lao động.

- Điều động nhân sự khối trực tiếp phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh theo từng thời điểm.

- Bố trí nhân lực hợp lý nhằm đảm bảo công tác an sinh, xã hội.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty dựa trên các giá trị các Hợp đồng còn lại chuyển sang và các hợp đồng dự kiến khai thác, Ban điều hành đề ra một số các chỉ tiêu trong năm 2017 sẽ hoàn thành theo tiến độ như sau:

Bảng 13: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Hoàn thành 2016	Kế hoạch 2017	Tỷ lệ % so với năm 2016
1	Giá trị sản xuất công nghiệp	394.678	308.000	78%
	Tư vấn TK & dịch vụ	50.384	55.000	109%
	Thi công, Mua sắm	343.363	247.500	72%
	Dịch vụ khác	931	5.500	591%
2	Tổng doanh thu	257.663	280.000	109%
	Tư vấn TK & dịch vụ	52.403	50.000	95%
	Thi công, Mua sắm	201.522	225.000	112%
	Doanh thu khác	3.739	5.000	134%
3	Lợi nhuận sau thuế	8.908	14.800	166%
4	Thu nhập bình quân/tháng	15,9	10	63%

4.2 Marketing và hợp tác phát triển

Đẩy mạnh công tác khai thác thị trường, tham gia dự thầu, chào hàng, tiếp cận với các Chủ đầu tư để nhanh chóng thương thảo ký kết hợp đồng đối với các công trình dự kiến khai thác trong năm 2017.

Tiếp tục hoàn thiện các thể hiện vật chất khác để phục vụ cho công tác PR hỗ trợ Marketing (triển khai mặc đồng phục, thay đổi bì thư, card visit, các thể hiện bằng hình ảnh....)

Xây dựng và cập nhật các cơ sở dữ liệu phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty;

Nâng cao uy tín thương hiệu cả bên trong (nội bộ Công ty) và bên ngoài (đối với Khách hàng), xây dựng văn hóa công ty.

Mở rộng quảng bá thương hiệu, xây dựng hình ảnh công ty, lập kế hoạch tổ chức hội nghị khách hàng và kế hoạch chăm sóc khách hàng theo hướng chuyên nghiệp, tập trung vào các khách hàng truyền thống và một số khách hàng tiềm năng.

Tăng cường hợp tác phát triển với các đối tác trong và ngoài nước đặc biệt là các đơn vị khoa học kỹ thuật trong nước, nhà cung cấp công nghệ nước ngoài, các nhà thầu EPC lớn trong khu vực để cùng tham gia thực hiện các dự án lớn trong và ngoài ngành.

4.3 Nhân lực

Triển khai các nội dung trong Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực năm 2016, 2017 bao gồm:

- Triển khai công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực năm 2017. Tập trung vào công tác đào tạo tại chỗ (Công tác tư vấn, thiết kế...); Nâng cao kỹ năng sử dụng các phần mềm hiện có (Phần mềm thiết kế 3D PDMS 12.1; Phần mềm tính toán thiết kế điện ETAB 14.0.0; Phần mềm tính toán ứng suất đường ống CAESAR II; Phần mềm thiết kế Auto Cad 2014, 2015; Phần mềm quản lý dự án Primavera; Phần mềm dự toán ESCON 2015 và phần mềm tính toán san nền và mô hình hoá bề mặt địa hình SUMAX...

- Củng cố hồ sơ năng lực Công ty và cá nhân, làm thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề nâng hạng cho các kỹ sư có đủ kinh nghiệm và thời gian công tác và triển khai xin cấp chứng chỉ năng lực hoạt động của tổ chức theo quy định.

- Hoàn thành các Quy chế, Quy định, Hướng dẫn công việc Công ty đang xây dựng và hoàn thiện. Tăng cường công tác quản lý lao động, tiến tới định biên lao động cho từng bộ phận.

4.4 Tài chính

- Lập kế hoạch tài chính cụ thể cho các dự án trọng điểm đang triển khai để có cơ sở thực hiện.

- Đảm bảo nguồn vốn cho các dự án lớn và hoạt động SXKD chung của công ty.

- Sửa đổi ban hành quy chế quản lý tài chính phục vụ công tác quản trị.

4.5 Quản lý khoa học kỹ thuật, chất lượng

Trong năm 2017 công tác Quản lý khoa học, kỹ thuật, chất lượng được dự kiến như sau:

a) Công tác quản lý khoa học

- Đề tài nghiên cứu khoa học (NCKH) Cấp Nhà nước:

+ Đề tài NCKH Cấp Nhà nước do Bộ Công thương quản lý: Thực hiện Bảo vệ các đề xuất thuộc chương trình công nghiệp môi trường.

+ Đề tài NCKH Cấp Nhà nước do Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) quản lý: Xây dựng đề xuất thuộc các chương trình dự án khoa học công nghệ và các đề tài độc lập, đề tài thuộc các chương trình.

- Đề tài cấp Bộ

+ Đề tài NCKH Cấp Bộ năm 2016: Bảo vệ 02 Đề tài tại đơn vị quản lý (Bộ Công Thương).

+ Đề tài NCKH Cấp Bộ năm 2017: Ký hợp đồng thực hiện 02 Đề tài:

Nghiên cứu thiết kế chế tạo thiết bị làm nguội kiểu tấm ứng dụng trong quá trình làm nguội cho sản phẩm NPK hàm lượng cao;

Nghiên cứu thiết kế chế tạo thử nghiệm thiết bị tách mù trong khí thải của các nhà máy sản xuất hóa chất và phân bón.

- Đề tài Cấp Công ty:

Hoàn thành nghiệm thu 19 đề tài của các năm 2013, 2014 và 13 đề tài của năm 2016.

b) Công tác đảm bảo chất lượng (QA)

- Tổ chức Hội họp xem xét lãnh đạo về Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) của đợt 2 năm 2016 trong tháng 01 năm 2017; đợt 1 năm 2017 trong tháng 6 năm 2017;

- Thiết lập Mục tiêu Chất lượng (MTCL) và Kế hoạch thực hiện MTCL năm 2017 của Công ty và các bộ phận trong tháng 01/2017.

- Tổ chức Đánh giá nội bộ HTQLCL và sau đó là Hệ thống Quản lý tích hợp (HTQLTH) vào tháng 5 và tháng 11.

- Lập Sổ tay Hệ thống quản lý tích hợp trên cơ sở tích hợp ba hệ thống quản lý ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và OHSAS 18001 đồng thời phối hợp với việc hoàn thành thiết lập hai hệ thống quản lý ISO 14001:2015 và OHSAS 18001:2007.

- Phối hợp với Trung tâm Kỹ thuật Môi trường và Phòng Tổ chức Hành chính hoàn thành tổ chức thiết lập hai hệ thống quản lý mới đạt chứng chỉ ISO 14001:2015 và OHSAS 18001:2007 vào tháng 6/2017.

- Tổ chức cập nhật hoàn thiện các văn bản HTQLCL ISO 9001:2015 để hoàn thành vào tháng 6/2017.

- Tổ chức hoàn thành việc xây dựng Hướng dẫn công việc (HDCV) khối nghiệp vụ vào tháng 5, hoàn thành việc xây dựng HDCV khối thiết kế vào tháng 12/2017.

- Hoàn thành phối hợp với GIC Việt Nam trong việc tổ chức đánh giá giám sát năm thứ 3 của chứng chỉ ISO 9001:2015 niên hạn 2014-2017 do GIC Việt Nam thực hiện vào tháng 3/2017.

- Tổ chức tiếp tục hoàn thiện xây dựng các Hướng dẫn công việc (HDCV) khối thiết kế đã dự thảo từ năm 2015 trên cơ sở thực tế công việc triển khai năm 2017 của khối thiết

kế;

- Thực hiện đánh giá chất lượng công tác chuyên môn hàng tháng của các bộ phận thiết kế và kỹ thuật phục vụ đánh giá chất lượng công tác chung của các đơn vị trong Công ty;

c) Công tác kiểm soát chất lượng (QC)

- Các Phòng, Trung tâm khối thiết kế và kỹ thuật tự chủ động thực hiện hoàn toàn kiểm soát chất lượng (QC) chi tiết.

- Phòng Quản lý Khoa học, Kỹ thuật và Chất lượng (P.QLKC) thực hiện công tác QC với những nội dung cơ bản sau:

- Xác nhận các dữ liệu vào và kết quả đầu ra trên cơ sở kiểm tra việc tuân thủ sự đầy đủ và sự phù hợp với các quy trình, quy định về quản lý chất lượng mà các Phòng, Trung tâm phải thực hiện;

- Phối hợp với các Chủ nhiệm (dự án, thiết kế, ...) tổ chức các cuộc họp kỹ thuật với sự tham gia của cán bộ kỹ thuật các bộ môn liên quan trong Công ty và của các chuyên gia bên ngoài (trong trường hợp cần thiết) để xác định, thông qua các giải pháp kỹ thuật chính của các dự án trong quá trình triển khai thực hiện.

- Theo dõi, tiếp nhận, đánh giá các báo cáo giám sát, khảo sát;

- Phối hợp với các Chủ nhiệm (dự án, thiết kế, ...) tổ chức các cuộc họp tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm các dự án đã thực hiện.

4.6 Pháp chế và kiểm tra, đánh giá, thanh tra nội bộ

a) Công tác pháp chế

- Hoàn thành xin cấp chứng chỉ năng lực của tổ chức: khảo sát địa hình, địa chất; quy hoạch; lập và thẩm tra dự án ĐTXDCT; thiết kế và thẩm tra thiết kế; quản lý dự án; thi công; giám sát thi công.

- Hoàn thiện các quy chế/quy định, sửa đổi bổ sung và dự thảo mới trong năm 2017 bao gồm: Quy chế lương và các quy định liên quan; Quy chế Quản lý tài chính (sửa đổi, bổ sung); Quy chế thực hiện hợp đồng kinh tế (sửa đổi, bổ sung); Quy chế thực hiện công tác cán bộ.

b) Công tác kiểm tra, đánh giá, thanh tra nội bộ

- Tổ chức kiểm toán nội bộ vào quý III năm 2017.

- Tổ chức giải quyết kịp thời các tranh chấp, khiếu nại tố cáo trong CBNV Công ty (nếu có).

4.7 Tin học

- Trang bị các phần mềm bản quyền đáp ứng nhu cầu công việc của Công ty: phần mềm Bo- cad;

- Quản lý vận hành phần mềm PDMS; ETAP; Cacsar II;

- Tiếp tục hoàn thiện và đưa vào sử dụng các module Weboffice (09 phân hệ), phổ biến cách sử dụng và yêu cầu các đơn vị cập nhập thông tin, tài liệu lên module tài liệu. Tiếp tục phát triển các module của Weboffice theo nhu cầu sử dụng của Công ty;

- Hoàn thành việc xây dựng thư viện điện tử khi trang weboffice hoàn thành phân hệ thư viện đưa vào áp dụng

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quyết định của HĐQT, Giám đốc Công ty và bộ máy điều hành đã khẩn trương triển khai các công việc nhằm mục tiêu hoàn thành kế hoạch SXKD và các công việc quản trị công ty năm 2016, cụ thể như:

- Giám đốc Công ty và bộ máy điều hành đã tổ chức thành công Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 tại Hà Nội vào ngày 23/4/2016; Hội nghị người lao động năm 2016 và Lễ kỷ niệm 49 năm ngày thành lập Công ty tại Quảng Bình vào cuối tháng 5/2016.

- Đẩy mạnh công việc thanh quyết toán các hợp đồng EPC lớn thuộc dự án: Cải tạo, mở rộng nhà máy phân đạm Hà Bắc; ĐTXD Nhà máy sản xuất phân bón DAP số 2 tại Tầng Lông, Lào Cai; đồng thời triển khai các phần việc thuộc dự án khai thác muối mỏ tại Lào và các công việc tư vấn khác.

- Hoàn thành lập Báo cáo tài chính năm 2015 và thực hiện kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ công ty, hoàn thành đúng thời hạn Báo cáo tài chính tổng hợp các quý, 6 tháng, năm và báo cáo kiểm toán nội bộ.

- Việc công bố thông tin đã thực hiện kịp thời, đúng quy định pháp luật. Hoàn thành trả cổ tức năm 2015 theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- Lập các kế hoạch năm 2016 trình HĐQT phê duyệt như kế hoạch đầu tư xây dựng, kế hoạch marketing, kế hoạch nghiên cứu khoa học công nghệ.

Để thực hiện nghị quyết Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2016 và các quyết định của HĐQT, HĐQT đã chỉ đạo, đôn đốc Giám đốc Công ty và bộ máy điều hành của Công ty, nổi bật là các nội dung sau:

- Kịp thời sơ kết, đánh giá hoạt động SXKD hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và năm; Lập kế hoạch SXKD hàng quý trình HĐQT, BKS theo Điều lệ quy định.

- Nâng cao chất lượng công tác kế toán quản trị, dự báo tài chính và quản lý chi phí.

- Đẩy nhanh tiến độ nghiệm thu các DA và đốc thu các HĐ.

- Không chế chi phí quản lý chung bằng các biện pháp thực hành tiết kiệm, kiểm soát chặt chi phí sửa chữa, mua sắm. Giao bộ phận kế toán - tài chính cập nhật chi phí hàng tháng để Giám đốc Công ty có các biện pháp cắt giảm chi phí.

- Không chế chi tiêu đơn giá tiền lương trên doanh thu tư vấn thiết kế tự thực hiện là 58% bằng các biện pháp tinh giản bộ máy gián tiếp, nâng cao năng suất lao động, giảm thiểu sai sót của bộ phận tư vấn thiết kế.

- Bám sát Bảng mục tiêu SXKD đề ra để điều độ, đánh giá và quyết định kịp thời tại các cuộc họp giao ban tháng, quý.

- Các thành viên trong Ban Giám đốc phải nỗ lực hơn nữa trong việc tiếp thị các hợp đồng.

Đứng trước nguy cơ không hoàn thành về kế hoạch doanh thu, sản lượng và lợi nhuận năm 2016, HĐQT đã đánh giá nguyên nhân và có chỉ đạo ban điều hành thực hiện các hành động như:

- Công tác quản lý dự án muối Lào chưa đáp ứng yêu cầu thực tế nên ban điều hành cần cải tiến triệt để. Ban điều hành cần đề ra các biện pháp quyết liệt để đạt mục tiêu tại ngày 31/12/2016.

- Đối với dự án khác: Mặc dù nguyên nhân chậm từ chủ đầu tư, các yếu tố khác nhưng cần nhận định được các yếu kém bắt nguồn từ chất lượng của đội ngũ thiết kế, năng suất lao động quá thấp, làm chậm, mắc sai lỗi nhiều. Ban Giám đốc ngay lập tức cần tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề để điều chỉnh, nâng cao chất lượng và năng suất thiết kế, điều chỉnh lại cách thức thực hiện các hợp đồng thiết kế.

Ban Giám đốc cần xem xét, đánh giá lại công tác tiếp thị và hành động tiếp thị từ đầu năm trong đó cần chú trọng việc rà soát các dự án mới, mở chiến dịch tiếp thị. GDCT tổ chức họp và phân công.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Công tác cổ đông, thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu theo Luật Doanh nghiệp: Thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật liên quan đến Công ty đại chúng, thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin kịp thời; Thực hiện chức năng giám sát tài sản và vốn Công ty, phát triển vốn cổ đông; Phối hợp hoạt động với Đảng ủy, Ban kiểm soát và Giám đốc Công ty; Hoàn thành công tác tái cấu trúc chi nhánh: chuyển đổi 2 chi nhánh thành công ty con, giải thể 2 chi nhánh; Hoàn thành việc chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

- Xây dựng quy chế, xây dựng bộ máy và lãnh đạo công tác phát triển nguồn nhân lực:

- Lãnh đạo công tác xây dựng quy chế, quy định nội bộ:
 - + Các quy trình, quy định, hướng dẫn đã được xây dựng, ban hành áp dụng: Quy chế Lương; Quy định về hoa hồng môi giới dẫn việc; Quy chế quản lý người đại diện phần vốn tại doanh nghiệp khác; bộ quy trình dự án giai đoạn I phục vụ triển khai các dự án thực hiện theo hình thức tổng thầu EPC (đã xây dựng được 5/9 quy trình phần E và 2/16 quy trình phần C); 74 HDCV của khối nghiệp vụ.
 - + Các Quy chế, quy định, quy trình, hướng dẫn đang trong quá trình chỉnh sửa, hoàn thiện: Quy chế quản lý tài chính, Quy trình thiết kế, Quy chế thực hiện hợp đồng...
- Chỉ đạo chặt chẽ công tác tổ chức cán bộ, tuyển dụng - đào tạo, cụ thể:
 - + Miễn nhiệm 39 chức danh cán bộ chủ chốt từ cấp phó phòng trở lên và bổ nhiệm lại 30 chức danh cán bộ quản lý Công ty nhiệm kỳ 2016-2020.
 - + Tuyển dụng được 7 kỹ sư, cử nhân mới.
- Lãnh đạo công tác nghiên cứu khoa học, đầu tư và xây dựng tài sản tri thức
 - + Nghiên cứu khoa học: Thực hiện 01 đề tài cấp Nhà nước, 02 đề tài cấp Bộ, 01 đề tài cấp Tập đoàn và 21 đề tài cấp Công ty với giá trị 1,954 tỷ đồng.
 - + Công tác đầu tư: Tăng cường đầu tư trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (mua máy vi tính, ô tô 7 chỗ,...); Đầu tư góp vốn thành lập 2 công ty con trên cơ sở Chi nhánh Hải Phòng và Chi nhánh Phú Thọ, 01 công ty TNHH một thành viên và 01 trung tâm nghiên cứu khoa học trực thuộc.

- Lãnh đạo, kiểm soát và tham gia điều hành sản xuất kinh doanh, kiểm soát tài sản: nỗ lực thực hiện tốt vai trò chỉ đạo sản xuất kinh doanh năm 2016; Chủ động đảm bảo tài chính để thực hiện các công việc; Trực tiếp chỉ đạo 2 dự án lớn là DAP2, Muối Lào; Trực tiếp chỉ đạo công tác kiểm toán nội bộ.

3. Đối chiếu với các mục tiêu chính của năm 2016, HĐQT đánh giá như sau:

- Công tác cổ đông: Hoàn thành tốt, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.
- Chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh: Chưa đạt.
- Xây dựng thương hiệu, văn hóa Công ty: Tốt.
- Công tác tiếp thị: Chưa đạt.
- Xây dựng quy chế và kiểm tra, đánh giá chất lượng công tác: Tốt.
- Công tác tái cấu trúc Công ty và chi nhánh: Tốt.
- Công tác nghiên cứu khoa học: Tốt.
- Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực: Chưa đạt.

4. Đánh giá hoạt động của Giám đốc Công ty

- Về quản trị doanh nghiệp, sử dụng vốn: Tốt.
- Về quản trị sản xuất, hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh: Chưa đạt.

Về công tác điều hành hoạt động tại trụ sở chính và các chi nhánh: Khá

5. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

a) Mục tiêu chính:

- Hoàn thành kế hoạch SXKD do ĐHĐCĐ giao.
- Ký được hợp đồng lớn từ đầu QIII/2017.
- Tăng cường tối đa các nguồn thu có thể như cho thuê mb, thu nhập HĐTC. Không chểnh mảng để đảm bảo kế hoạch lợi nhuận
- Hạn chế việc chảy máu chất xám.

b) Dự kiến chương trình hoạt động của HĐQT năm 2017

- Tháng 1, 2: Triển khai công tác đầu năm; Thông qua kế hoạch tổ chức Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2017; Chỉ đạo ban điều hành xây dựng các chỉ tiêu, kế hoạch trình ĐHĐCĐ; đôn đốc công tác quyết toán và lập Báo cáo tài chính; Chỉ đạo công tác tổng kết năm.

- Tháng 3: Xem xét BCTC năm 2016 và kết quả kiểm toán; Thông qua kế hoạch tổ chức và các văn bản trình Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2017; Chỉ đạo người đại diện phần vốn tổ chức Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2017 tại các công ty con.

- Tháng 4: Triển khai nghị quyết của ĐHĐCĐ; xem xét kết quả hoạt động quý I và kế hoạch triển khai quý II; đánh giá hoạt động của người đại diện phần vốn tại các công ty con và đơn vị thành viên.

- Tháng 5, 6: Thảo luận các biện pháp tái cấu trúc chi nhánh miền Nam, đánh giá hiệu quả thảo luận các biện pháp giải quyết khó khăn trước tình hình thiếu việc làm và tình trạng chảy máu chất xám; Thông qua kế hoạch trả cổ tức năm 2016; Công tác tiếp thị.

- Đầu tháng 7: Kiểm tra công tác tiếp thị, công tác phát triển nguồn nhân lực; xem xét kết quả hoạt động quý II và kế hoạch triển khai quý III.

- Tháng 8 và 9: Xem xét kết quả kiểm toán 6 tháng; Thảo luận các biện pháp tăng cường tài chính..

- Đầu tháng 10: xem xét kết quả hoạt động quý III và kế hoạch triển khai quý IV; các biện pháp bảo đảm vốn và đầu tư.

- Tháng 11: Rà soát tái cấu trúc chi nhánh; các biện pháp bảo đảm doanh thu, lợi nhuận.

- Cuối tháng 12: Rà soát hoạt động của HĐQT, BKS trong năm và chương trình hoạt động năm sau; Tổng kết công tác quản trị chiến lược và các chương trình phát triển của Công ty.

c) Trọng tâm hoạt động:

- Kiểm soát sát sao công tác sản xuất kinh doanh, tìm mọi cách đưa Công ty thoát khỏi tình trạng khó khăn.

- Chỉ đạo việc đấu tranh nghiêm thu thanh toán dự án Muối Lào, hoàn thành quyết toán dự án đạm Hà Bắc và DAP2. Hoàn thành thiết kế Lân nung chảy Văn Điển.

- Thực hiện các giải pháp đồng bộ để hạn chế tình trạng thất thoát nguồn nhân lực, song song với tinh giản bộ máy.

Đôn đốc chương trình nhiệt điện và chiến dịch marketing 2017

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

❖ Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Bảng 14: Danh sách thành viên HĐQT

STT	Chức vụ	Họ và tên
1	Chủ tịch HĐQT	Ông Đỗ Hiên Ngang
2	Thành viên HĐQT	Ông Nguyễn Mạnh Hùng
3	Thành viên HĐQT	Ông Đinh Đức Bộ
4	Thành viên HĐQT	Ông Nguyễn Công Thắng
5	Thành viên HĐQT	Ông Nguyễn Thủy Nguyên

❖ Lý lịch thành viên

Họ và tên	:	Đỗ Hiên Ngang
Số CMND	:	024241861. Ngày cấp: 17/12/2007 tại: Công an TP Hồ Chí Minh
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	07-02-1964
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh

Quê quán : Xã Thụy Phú, Huyện Phú Xuyên, Hà Nội
 Hộ khẩu thường trú : 61/36 Bình Giã, Phường 13, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
 Chỗ ở hiện tại : 61/36 Bình Giã, Phường 13, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
 Trình độ văn hóa : 10/10
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1988 đến tháng 5/1999	Nhân viên Chi nhánh (CN) Công ty Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP Hồ Chí Minh
Từ tháng 6/1999 đến tháng 7/2001	Phó Giám đốc CN Công ty Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP Hồ Chí Minh
Từ tháng 8/2001 đến tháng 3/2006	Giám đốc CN Công ty Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP Hồ Chí Minh
Từ tháng 4/2006 đến tháng 7/2009	Phó Giám đốc công ty kiêm Giám đốc CN CTCP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất tại TP Hồ Chí Minh .
Từ tháng 8/2009 đến tháng 6/2011	Chủ tịch HĐQT, kiêm Giám đốc CTCP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ tháng 7/2011 đến nay	Chủ tịch HĐQT chuyên trách CTCP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Chủ tịch HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: không
Số cổ phần nắm giữ	: - Số cổ phần sở hữu cá nhân: 332.000 cổ phiếu - chiếm 5,55% vốn điều lệ - Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 950.706 cổ phiếu - Chiếm 15,91% vốn điều lệ
Số cổ phần của người có liên quan	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	: Không hưởng thù lao, hưởng lương theo quy chế
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không

Họ và tên : **Nguyễn Mạnh Hùng**

Đã nêu trong phần lý lịch thành viên Ban Giám đốc

Họ và tên : **Đinh Đức Bộ**

Đã nêu trong phần lý lịch Kế toán trưởng

Họ và tên : **Nguyễn Công Thắng**

Đã nêu trong phần lý lịch thành viên Ban Giám đốc

Họ và tên : **Nguyễn Thủy Nguyên**

Số hộ chiếu : 011691926 cấp ngày 25/07/2007 tại Công an Hà Nội

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 29/03/1958

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán :

Hộ khẩu thường trú : Số 33 phố Phan Chu Trinh, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Chỗ ở hiện tại :

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư máy hóa

Quá trình công tác

Thời gian : **Quá trình công tác**

Chức vụ công tác : Thành viên HĐQT

hiện nay tại Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Tổng công ty vận tải Thủy

Số cổ phần nắm giữ

: – Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu – chiếm 0% vốn điều lệ.

– Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu - chiếm 0% VDL

Số cổ phần của người có liên quan : Không

Quyền lợi mâu thuẫn : Không

với lợi ích Công ty

Các khoản nợ đối với : Không

Công ty

Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao HĐQT CECO: 5.000.000 VNĐ/tháng, hưởng lương theo quy chế.

Lợi ích liên quan đối : Không

với Công ty

❖ **Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Không có.

❖ **Hoạt động của Hội đồng quản trị:** Trong năm 2016 HĐQT đã tiến hành họp 7 phiên và 3 lần xin ý kiến bằng văn bản, cụ thể:

1. Phiên II.37, họp ngày 08/01/2016 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:

- Nghe báo cáo về công tác chào bán cổ phiếu tăng vốn Điều lệ.
- Vấn đề phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ và chuyển nhượng cổ phần của VMEC theo báo cáo của người đại diện phần vốn.
- Nghe báo cáo tình hình chuyển đổi mô hình từ chi nhánh thành công ty con của Chi nhánh Hải Phòng và Chi nhánh Phú Thọ.
- Thông qua Quy chế quản lý người đại diện phần vốn của CECO tại doanh nghiệp khác.
- Chủ trương tái cấu trúc đối với Chi nhánh Quảng Ngãi.
- Các nội dung liên quan đến nâng cao năng lực và tái cấu trúc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thảo luận về chủ trương thành lập công ty TNHH một thành viên do CECO làm chủ sở hữu.
- Lập các Báo cáo và thực hiện tổng kết năm 2015; đánh giá hoạt động của Công ty 5 năm, giai đoạn 2011-2015.
- Tổ chức lấy phiếu tín nhiệm cán bộ chủ chốt năm 2016.
- Thông qua báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2015 để thực hiện công bố thông tin.
- Công tác cán bộ.
- Đầu tư Phòng thí nghiệm đạt chuẩn tại Xuân Phương.
- Chủ trương nhận chuyển nhượng tài sản trên đất gắn liền với quyền thuê đất tại khu đất Xuân Phương, Nam Từ Liêm, Hà Nội của Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam (VIPESCO).

- Phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2015.

2. Phiên II.38, họp ngày 09/3/2016 đã thảo luận và thống nhất các nội dung

- Nghe báo cáo tổng kết thực hiện hợp đồng EPC Dự án DAP2.
- Xem xét Báo cáo tài chính năm 2015 và thảo luận các biện pháp tăng cường quản lý tài chính; Quyết định các nội dung liên quan việc áp dụng thang lương mới của Công ty.
- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và chương trình hoạt động của Công ty năm 2016.
- Thông qua Phương án chi tiết và quyết định thành lập Công ty TNHH MTV Quản lý dự án hoá chất.
- Chương trình khung và kế hoạch chuẩn bị hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016; Quyết định ngày chốt quyền dự hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016.

3. Phiên II.39, họp ngày 19/4/2016 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:

- Rà soát tài liệu, báo cáo trình bày tại Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2016
- Miễn nhiệm toàn bộ các chức danh cán bộ điều hành của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất nhiệm kỳ II (2011-2015) kể từ ngày 01/5/2016.
- Thông qua danh sách đề xuất bổ nhiệm cán bộ điều hành của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất nhiệm kỳ III (2016-2020).
- Thông qua danh sách cán bộ chủ chốt của Công ty TNHH Quản lý dự án hóa chất
- Thông qua hồ sơ chào bán chứng khoán ra công chúng gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Chỉ đạo Người đại diện phần vốn tại TANICHEM về việc gia hạn tiến độ thực hiện dự án Sorbitol
- Chỉ đạo Người đại diện phần vốn về việc tổ chức Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2016 của VMEC
- Thông qua chủ trương về việc xử lý nhà tại Quảng Ngãi

4. Phiên III.1, họp ngày 28/4/2016 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:

- Nghe báo cáo của BKS về nội dung phiên họp thứ nhất nhiệm kỳ III (kết quả bầu trưởng BKS, phân công nhiệm vụ các kiểm soát viên và thông qua Chương trình làm việc của BKS năm 2016 và giữa 2 kỳ Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2016-2017
- Bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ III (2016-2020)
- Thảo luận, thông qua việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT và Chương trình hoạt động của HĐQT năm 2016 và giữa 2 kỳ Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2016-2017
- Phê duyệt tổ chức bộ máy và danh sách cán bộ điều hành của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất nhiệm kỳ III (2016-2020)
- Triển khai các biện pháp thực hiện Nghị quyết Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2016

5. Phiên III.2, họp ngày 20/6/2016 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:

- Thông qua Kế hoạch trả cổ tức năm 2015 và kế hoạch chào bán cổ phiếu ra công chúng tăng vốn Điều lệ theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ
- Trả lời đề xuất của Người đại diện phần vốn tại VMEC về việc thực hiện chế độ Chủ tịch HĐQT chuyên trách tại VMEC
- Trả lời đề xuất của Người đại diện phần vốn CECO tại Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật công nghiệp hóa chất (CECOs) về việc vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh
- Thay đổi Người công bố thông tin của Công ty
- Thành lập Ban chỉ đạo chuẩn bị lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Công ty (29/5/1967-29/5/2016)
- Thành lập Trung tâm Phát triển Công nghệ CECO trực thuộc Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (gọi tắt là CETD)

6. Phiên III.3, họp ngày 12/9/2016 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:

- Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn Điều lệ và việc sửa đổi Điều lệ theo kết quả chào bán
- Thông qua nội dung kiểm toán nội bộ năm 2016
- Thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế hoạt động của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
- Xem xét Tờ trình của Người đại diện phần vốn về việc điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án Sorbitol Tây Ninh thông qua hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
- Nghe báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng EPC Muối Lào
- Nghe báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và thảo luận, thông qua các biện pháp thúc đẩy sản xuất kinh doanh

7. Phiên III.4, họp ngày 29/12/2016 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:

- Thông qua Quy chế Lương
- Thảo luận và quyết định cơ chế khoán đối với Trung tâm Kỹ thuật Môi trường
- Thông qua các vấn đề liên quan công tác tiếp thị năm 2017
- Nghe báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh 2016. Triển khai công tác đầu năm 2017.
- Thông qua đơn giá tiền lương năm 2016
- Chỉ đạo Người đại diện phần vốn tại TANICHEM liên quan đến vấn đề xin ý kiến cổ đông bằng văn bản về gia hạn thời gian thực hiện dự án Sorbitol Tây Ninh
- Thông qua việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện Công ty tại Lào từ 01/01/2017
- Giao Giám đốc Công ty thẩm tra nội bộ Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mặt bích thép tiêu chuẩn do Người đại diện phần vốn tại VMEC trình.

8. Trong năm 2016, Bên cạnh các cuộc họp được tổ chức, HĐQT đã tiến hành lấy ý kiến để thông qua nghị quyết bằng văn bản 3 lần để quyết định một số vấn đề:

- Cho công ty con vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.
 - Thông qua Phương án sản xuất kinh doanh năm 2016 phục vụ xin cấp giới hạn tín dụng (vay vốn, bảo lãnh) giữa Công ty với BIDV - Chi nhánh Ba Đình nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và bảo lãnh để thực hiện các hợp đồng của Công ty.
 - Đồng thuận với Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
 - Bổ sung ngành nghề hoạt động cho Công ty TNHH Quản lý dự án hóa chất.
- Xử lý số cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu không phân phối hết

2. Ban kiểm soát

❖ Danh sách thành viên Ban kiểm soát:

Bảng 15: Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Chức vụ	Họ và tên
1	Trưởng BKS	Bà Trương Thị Minh Thu
2	Thành viên BKS	Ông Nguyễn Văn Bang
3	Thành viên BKS	Bà Trần Thị Minh Trang

❖ Lý lịch thành viên

Họ và tên	: Trương Thị Minh Thu
Số CMND	: 013014266, cấp ngày 03/11/2011. Nơi cấp: CA TP Hà Nội
Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 24/6/1977
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	:
Hộ khẩu thường trú	: P.109 TT Thiết kế Công nghiệp Hóa chất, P. Hàng Bột, Q. Đống Đa, TP Hà Nội
Chỗ ở hiện tại	: Căn 2705 Tòa A Chung cư Mulberry Lane, Mỗ Lao, quận Hà Đông, TP Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán; Cử nhân Luật; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

Thời gian	Quá trình công tác
- Từ 11/2000-12/2002	: Nhân viên văn phòng, Trung tâm Thiết bị dạy nghề thuộc Tổng cục Dạy nghề
- Từ 12/2002-11/2003	: Nhân viên kế toán, Công ty TNHH Việt Vương.
- Từ 11/2005-8/2007	: Nhân viên Phòng Dự án tại Công ty TNHH 3C Công nghiệp.
- Từ 8/2007 đến 3/2013	: Nhân viên Phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
- Từ 4/2013 đến 10/2013	: Phó Trưởng Phòng Pháp chế và Quản lý thông tin Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.

- Từ 11/2013 – 06/2016 : Phó Trưởng Phòng Kế hoạch Kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần nắm giữ : – Số cổ phần sở hữu cá nhân: 500 cổ phiếu – chiếm 0,01% vốn điều lệ
– Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu – Chiếm 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần của người có liên quan : Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Hưởng lương chuyên trách
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : không

Họ và tên : Nguyễn Văn Bang

Số CMND : 010101353 ngày cấp: 16/11/2005 tại: Công an Hà Nội.

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 25/07/1946

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên

Địa chỉ thường trú : Nhà 87, ngõ 25, phố Phan Đình Phùng, phường Quán Thánh, Ba Đình, Hà Nội

Chỗ ở hiện tại : Nhà 87, ngõ 25, phố Phan Đình Phùng, phường Quán Thánh, Ba Đình, Hà Nội

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác

Thời gian

Quá trình công tác

Từ năm 1970 đến : Công tác tại Phòng Thiết kế Xây dựng Công ty Thiết kế năm 1995 Công nghiệp Hóa chất.

Từ năm 1996 đến : Phó Giám đốc Công ty Thiết kế Công nghiệp Hóa chất. tháng 2/2001

Từ tháng 3/2001 đến : Giám đốc Công ty Thiết kế Công nghiệp Hóa chất tháng 4/2006

Từ tháng 5/2006 đến : Thành viên HĐQT - Giám đốc CTCP Thiết kế Công nghiệp tháng 7/2009 Hóa chất.

Từ tháng 12/2009 đến : Nghỉ hưu theo chế độ tháng 3/2011

Từ tháng 4/2011 đến : Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất. 06/2016

Chức vụ công tác : Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Thiết kế Công nghiệp hiện nay tại Công ty Hóa chất.

Chức vụ đang nắm : Không giữ tại tổ chức khác

Số cổ phần nắm giữ : - Số cổ phần sở hữu cá nhân: 6000 cổ phiếu - chiếm 0,1% vốn điều lệ
- Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu - Chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phần của người : Không có liên quan

Quyền lợi mâu thuẫn : Không với lợi ích Công ty

Các khoản nợ đối với : Không Công ty

Thù lao và các khoản : 3.000.000 VNĐ/tháng lợi ích khác

Lợi ích liên quan đối : Không với Công ty

Họ và tên	:	Trần Thị Minh Trang
Số CMND	:	162598971, ngày cấp: 09/08/2001, nơi cấp Công an Nam Định
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh	:	16/02/1985
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Nam Định
Hộ khẩu thường trú	:	11/3/469 Trần Huy Liệu, P. Văn Miếu. TP. Nam Định
Chỗ ở hiện tại	:	Số 11, ngách 20, ngõ 1 phố Đại Linh, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán

Quá trình công tác

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 8/2008 tới 12/2008	Công việc: kế toán lương Đơn vị công tác : (Phòng Kế toán) Công ty TNHH FASHIONLINE SAIGON Địa chỉ: Số 11, đường số 4, khu công nghiệp Việt Nam – Singapo, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương)
Từ 01/2009 đến 12/2009	Công việc: kế toán công nợ nước ngoài Đơn vị công tác : (Phòng Kế toán) Công ty TNHH YOUNGONE Nam Định Địa chỉ: Khu công nghiệp Hòa Xá, TP Nam Định, tỉnh Nam Định
Từ 02/2010 đến tháng 8 năm 2012	Công việc: kế toán tổng hợp/kế toán thuế Đơn vị công tác : (Phòng Kế toán) Công ty TNHH Long Thành Hưng Yên Địa chỉ: đường Mễ Trì kéo dài, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
Từ 10/2012 đến 03/2013	Công việc: kế toán quản trị Đơn vị công tác : (Phòng Kế toán – Tài chính) Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
Từ 04/2013 đến 11/2014	Công việc: công tác mua sắm/ thư ký dự án Đơn vị công tác : (Phòng quản lý dự án DAP2) Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
Từ 03/2014 đến 11/2015	Công việc: kiểm toán nội bộ/thư ký lãnh đạo/công tác cổ đông Đơn vị công tác : (Phòng Pháp chế và Quản lý thông tin) Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Số cổ phần nắm giữ	:	– Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu – chiếm 0% vốn điều lệ. – Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu – Chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần của người có liên quan	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Thù lao BKS: 3.000.000 VNĐ/tháng
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

❖ Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2016 Ban kiểm soát đã tổ chức 6 cuộc họp, cụ thể:

- ***Phiên 24 nhiệm kỳ II họp ngày 03/3/2016 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:***

+ Đánh giá, giám sát hoạt động, kết quả SXKD năm 2015 và dự kiến kế hoạch SXKD năm 2016 của Công ty.

+ Đánh giá, giám sát đối với HĐQT, GĐCT và bộ máy điều hành về kết quả quản lý, điều hành Công ty năm 2015.

+ Tổng kết hoạt động và các cuộc họp của BKS năm 2015.

- ***Phiên 25 nhiệm kỳ II họp ngày 03/3/2016 đã thảo luận và thống nhất các nội dung***

+ Nghe báo cáo về việc tổ chức Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2016.

+ Thông qua toàn văn dự thảo Báo cáo hoạt động của BKS tại Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2016.

+ Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2016

- ***Phiên 1 nhiệm kỳ III họp ngày 28/4/2016 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:***

+ Thông báo về kết quả Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2016.

+ Bầu Trưởng ban Kiểm soát nhiệm kỳ III.

+ Phân công nhiệm vụ trong Ban Kiểm soát nhiệm kỳ III.

+ Thông qua Chương trình làm việc của Ban Kiểm soát năm 2016 và giữa 2 kỳ

Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2016-2017.

- Phiên 2 nhiệm kỳ III họp ngày 16/5/2016 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:

+ Tiếp cận Biên bản họp và Nghị quyết phiên họp III.1 của Hội đồng quản trị Công ty.

+ Triển khai hoạt động của BKS năm 2016 và giữa 2 kỳ Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2016-2017.

+ Đánh giá, giám sát của BKS về kết quả SXKD, BCTC của Công ty Quý I và triển khai nhiệm vụ Quý II/2016.

+ Xem xét việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của BKS cho phù hợp với mô hình Trưởng BKS làm việc chuyên trách và thường xuyên tại Công ty.

- Phiên 3 nhiệm kỳ III họp ngày 20/7/2016 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:

+ Nghe báo cáo về kết quả thanh tra thuế 4 năm (2012-2015).

+ Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty 6 tháng đầu năm 2016 và giải pháp thực hiện SXKD 6 tháng cuối năm 2016.

+ Đánh giá, giám sát hoạt động của HĐQT, GĐCT và bộ máy điều hành về thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ.

+ Kiểm điểm hoạt động của BKS 6 tháng đầu năm 2016.

- Phiên 4 nhiệm kỳ III họp ngày 28/10/2016 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:

+ Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty Quý III và 9 tháng đầu năm 2016.

+ Đánh giá, giám sát hoạt động của HĐQT, GĐCT và bộ máy điều hành trong Quý III/2016.

+ Hoạt động của BKS trong Quý III/2016.

- Đánh giá các phiên họp của BKS

+ Các phiên họp của BKS được tổ chức theo đúng trình tự Điều lệ Công ty và pháp luật, có đầy đủ các thành viên BKS tham dự. Trưởng BKS chủ trì cuộc họp, Thư ký Công ty là thư ký cuộc họp đã thực hiện ghi chép và lập biên bản cuộc họp.

+ Tùy theo nội dung và tính chất cuộc họp, BKS đã mời một số cán bộ quản lý của Công ty tham dự như Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tổ chức HC, Trưởng phòng Kế hoạch KD, Trưởng phòng Pháp chế,... Các thành viên BKS đã chất vấn đại biểu và nhận được các ý kiến trả lời, làm rõ các nội dung được chất vấn.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- **Lương:**

+ Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát làm nhiệm vụ chuyên trách, Ban Giám đốc hưởng lương theo Quy chế Lương của Công ty. Hệ số để tính lương của Chủ tịch HĐQT chuyên trách bằng Giám đốc Công ty, của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách tương đương Phó giám đốc Công ty.

+ Các thành viên HĐQT không hưởng lương, chỉ có thù lao. Trường hợp kiêm nhiệm công tác điều hành thì được hưởng lương theo vị trí điều hành.

+ Các kiểm soát viên không hưởng lương, chỉ có thù lao.

- **Thưởng:** Năm 2016 do tình hình sản xuất kinh doanh khó khăn, không hoàn thành các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ giao nên HĐQT không đề xuất chi thưởng cho HĐQT và ban điều hành.

- **Thù lao:** Các thành viên trong HĐQT, BKS được hưởng thù lao theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2016, cụ thể:

Bảng 16: Thù lao HĐQT, BKS năm 2016

Nội dung	Thù lao/tháng	Năm 2016 (VNĐ)
I. Mức thù lao của HĐQT		
1. Chủ tịch HĐQT	Không	Không
2. Thành viên HĐQT (4 thành viên)	5.000.000 đồng/tháng	240.000.000 đồng
II. Mức thù lao của BKS		
1. Trưởng BKS	Không	Không
2. Thành viên BKS (2 thành viên)	3.000.000 đồng/tháng	72.000.000 đồng
Tổng cộng mức thù lao trả/năm		312.000.000 đồng

b) Giao dịch của cổ đông nội bộ:

Bảng 17: Giao dịch của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng ...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1.	Đỗ Hiên Ngang	CĐNB	217.926	7,29	322.000	5,55	Mua cổ phần phát hành thêm, mua bán cổ phiếu
2.	Nguyễn Mạnh Hùng	CĐNB	26.000	0,87	36.400	0,61	
3.	Nguyễn Công Thắng	CĐNB	88.779	2,97	103.398	1,73	
4.	Đinh Đức Bộ	CĐNB	79.590	2,66	75.438	1,26	

(Nguồn: Danh sách cổ đông do VSD gửi chốt tại 2 thời điểm là ngày 25/3/2016 và ngày 10/3/2017)

d) *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:*

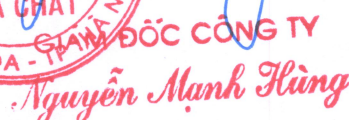
VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

2. Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán

(Đính kèm theo phụ lục của báo cáo này).

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**





**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp
Hóa chất**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

0100103520

ngày 4 tháng 10 năm 2016

Đăng ký Kinh doanh số

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 14 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100103520 ngày 4 tháng 10 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam). Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 3493/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0103010996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 2 năm 2006.

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Hiên Ngang
Ông Nguyễn Mạnh Hùng
Ông Đinh Đức Bộ
Ông Nguyễn Công Thắng
Ông Nguyễn Thủy Nguyên

Chủ tịch

Ủy viên

Ủy viên

Ủy viên

Ủy viên

(từ ngày 1 tháng 5 năm 2016)

Bà Nguyễn Hồng Hạnh

Ủy viên

(đến ngày 1 tháng 5 năm 2016)

Ban Kiểm soát

Bà Trương Thị Minh Thu

Trưởng ban

(từ ngày 1 tháng 5 năm 2016)

Ông Nguyễn Văn Bang

Trưởng ban

(đến ngày 1 tháng 5 năm 2016)

Ông Nguyễn Văn Bang

Thành viên

(từ ngày 1 tháng 5 năm 2016)

Bà Trần Thị Minh Trang

Thành viên

(từ ngày 1 tháng 5 năm 2016)

Bà Nguyễn Thị Bích

Thành viên

(đến ngày 1 tháng 5 năm 2016)

Bà Nguyễn Thị Kim Liên

Thành viên

(đến ngày 1 tháng 5 năm 2016)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Giám đốc

Ông Văn Đức Thắng

Phó Giám đốc

Ông Nguyễn Công Thắng

Phó Giám đốc

Bà Nguyễn Hồng Hạnh

Phó Giám đốc

(từ ngày 1 tháng 5 năm 2016)

Ông Trần Đăng Thái

Phó Giám đốc

(đến ngày 1 tháng 5 năm 2016)

Trụ sở đăng ký

Số 21A, Phố Cát Linh
Phường Cát Linh
Quận Đống Đa, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 43 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Mạnh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 43.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-336-HN



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2017

W

Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0296-2013-007-1

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		356.191.688.257	276.630.305.127
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	89.771.146.984	117.454.630.871
Tiền	111		26.540.096.984	37.454.630.871
Các khoản tương đương tiền	112		63.231.050.000	80.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		144.679.521.657	107.658.585.742
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	109.090.961.690	97.697.310.332
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		23.579.583.902	5.882.486.104
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	2.111.967.942	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	11.703.364.677	5.964.545.860
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.806.356.554)	(1.885.756.554)
Hàng tồn kho	140	10	120.533.512.938	45.591.494.570
Hàng tồn kho	141		120.652.969.087	45.591.494.570
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(119.456.149)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.207.506.678	5.925.593.944
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		725.293.011	5.496.089.940
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		482.213.667	429.504.004
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		30.429.692.491	29.852.988.965
Các khoản phải thu dài hạn	210		86.712.526	6.870.145.487
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	86.712.526	6.870.145.487
Tài sản cố định	220		23.437.639.785	19.370.186.614
Tài sản cố định hữu hình	221	11	20.763.499.389	16.088.713.899
Nguyên giá	222		44.249.145.717	35.449.749.624
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.485.646.328)	(19.361.035.725)
Tài sản cố định vô hình	227	12	2.674.140.396	3.281.472.715
Nguyên giá	228		5.252.116.400	4.970.216.400
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.577.976.004)	(1.688.743.685)
Tài sản dở dang dài hạn	240	13	2.523.326.263	25.571.626
Xây dựng cơ bản dở dang	242		2.523.326.263	25.571.626
Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.638.000.000	1.638.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14	1.638.000.000	1.638.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		2.744.013.917	1.949.085.238
Chi phí trả trước dài hạn	261		2.744.013.917	1.949.085.238
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		386.621.380.748	306.483.294.092

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

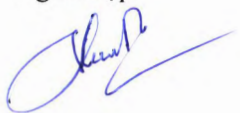
Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		281.203.519.686	241.845.809.200
Nợ ngắn hạn	310		280.819.995.593	240.142.544.723
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	42.650.685.151	39.182.995.275
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	6©	189.791.307.501	145.023.402.027
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	4.069.412.442	3.339.896.696
Phải trả người lao động	314		7.636.641.078	2.259.621.453
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	21.448.651.127	39.859.675.035
Phải trả ngắn hạn khác	319		964.281.875	503.948.427
Vay ngắn hạn	320	18	14.071.937.544	9.498.779.797
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		187.078.875	474.226.013
Nợ dài hạn	330		383.524.093	1.703.264.477
Phải trả dài hạn khác	337		-	43.310.419
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	995.929.965
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		383.524.093	664.024.093
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	19	105.417.861.062	64.637.484.892
Vốn chủ sở hữu	410		104.885.328.062	64.637.484.892
Vốn cổ phần	411	20	59.770.360.000	29.885.180.000
- Cổ phiếu phổ thông				
có quyền biểu quyết	411a		59.770.360.000	29.885.180.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	18.457.690.767	14.121.683.888
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.585.172.303	11.711.805.410
- LNST chưa phân phối đến				
cuối năm trước	421a		1.427.213.340	5.203.042.135
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		8.157.958.963	6.508.763.275
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		17.072.104.992	8.918.815.594
Nguồn kinh phí	430		532.533.000	-
Nguồn kinh phí	431	19	532.533.000	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		386.621.380.748	306.483.294.092

Ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Tuyết Chinh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đinh Đức Bộ
Kế toán trưởng



Nguyễn Mạnh Hùng
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	258.513.896.387	293.081.678.261
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	850.429.594	251.600.991
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	24	257.663.466.793	292.830.077.270
Giá vốn hàng bán	11	25	201.596.177.679	245.245.412.117
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		56.067.289.114	47.584.665.153
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	1.768.866.374	848.778.203
Chi phí tài chính	22	27	1.479.754.751	6.649.528.072
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		724.723.839	6.496.238.210
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	45.583.511.189	36.630.781.840
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		10.772.889.548	5.153.133.444
Thu nhập khác	31	29	1.743.178.934	5.524.037.553
Chi phí khác	32		750.381.015	443.521.137
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		992.797.919	5.080.516.416
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		11.765.687.467	10.233.649.860
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	2.857.509.477	2.367.346.387
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (chuyển sang trang sau)	60		8.908.177.990	7.866.303.473

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (mang sang từ trang trước)	60		8.908.177.990	7.866.303.473
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		8.157.958.963	7.304.174.275
Cổ đông không kiểm soát	62		750.219.027	562.129.198
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	2.199	2.178

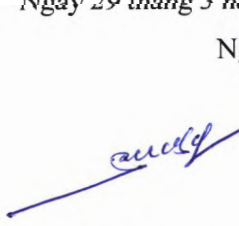
Ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Tuyết Chinh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:





Đinh Đức Bộ
Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Hùng
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		11.765.687.467	10.233.649.860
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		5.013.842.922	3.789.600.267
Các khoản dự phòng	03		(955.873.816)	1.195.497.602
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		663.591.943	(110.028.544)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(2.045.402.818)	(853.790.838)
Chi phí lãi vay	06		724.723.839	6.496.238.210
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		15.166.569.537	20.751.166.557
Biến động các khoản phải thu	09		(23.328.047.746)	(27.024.785.664)
Biến động hàng tồn kho	10		(75.061.474.517)	(1.772.970.364)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		36.556.611.213	148.450.332.742
Biến động chi phí trả trước	12		(42.575.734)	(589.625.109)
			(46.708.917.247)	139.814.118.162
Tiền lãi vay đã trả	14		(788.513.863)	(6.170.055.534)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.002.200.824)	(3.783.254.062)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		532.533.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(554.567.000)	(2.912.307.666)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(50.521.665.934)	126.948.500.900
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(13.050.403.675)	(1.465.019.462)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		1.286.363.641	22.409.091
Tiền chi cho vay	23		(6.500.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay	24		4.500.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	27		1.366.071.235	831.381.747
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12.397.968.799)	(611.228.624)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		38.076.680.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		24.777.969.310	157.313.096.589
Tiền trả nợ gốc vay	34		(20.204.811.563)	(239.009.636.839)
Tiền trả cổ tức	36		(6.750.094.958)	(6.722.038.564)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		35.899.742.789	(88.418.578.814)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(27.019.891.944)	37.918.693.462
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		117.454.630.871	79.425.908.865
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(663.591.943)	110.028.544
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	89.771.146.984	117.454.630.871

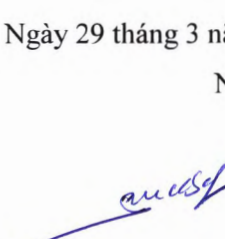
Ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Tuyết Chinh
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:




Đinh Đức Bộ
 Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Hùng
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Công ty và các công ty con.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; xây dựng công trình ngành hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp liên quan có qui mô vừa và nhỏ (bao gồm cả thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu, thiết bị và cung ứng vật tư, thiết bị, thi công lắp đặt, hiệu chỉnh và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện, tự động và đo lường điều khiển cho các công trình công nghiệp và dân dụng; xây dựng các công trình điện, đường dây và trạm biến áp);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: sản xuất sản phẩm hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động tư vấn quản lý;

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện, đường dây truyền tải và TBA đến 500KV; thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ hóa dầu công trình công nghiệp; thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình công nghiệp; thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy; thiết kế và chế tạo thiết bị ngành hóa chất; khảo sát, thiết kế các công trình ngành hóa chất, các công trình công nghiệp và dân dụng; tư vấn đầu tư và phát triển công nghiệp hóa chất; tư vấn xây dựng; tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; thẩm tra các dự án đầu tư, các hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán công trình xây dựng (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề), các báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; tư vấn đầu tư xây dựng và tư vấn giám sát thi công công trình điện, công trình đường dây và trạm biến áp (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề); tư vấn bảo hành, bảo dưỡng các loại thiết bị trong lĩnh vực hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp khác; kiểm tra, kiểm định và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng công nghiệp hóa chất, hóa dầu và liên quan; quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: thực hiện đề tài nghiên cứu, khai thác các phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, dịch vụ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất và bảo vệ môi trường; nghiên cứu ứng dụng công nghệ và thiết bị tiên tiến vào thiết kế các công trình công nghiệp hóa chất và biện pháp bảo vệ môi trường;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; xử lý chất thải công nghiệp, đánh giá tác động môi trường; hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; xây dựng lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; lập đề án bảo vệ môi trường; lập bản cam kết bảo vệ môi trường; dịch vụ quan trắc môi trường; tư vấn về môi trường;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: tiếp thị, xúc tiến đầu tư và thương mại; cung ứng vật tư, thiết bị công trình công nghiệp; xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: hoạt động tư vấn đầu tư;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; và
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường (ô nhiễm không khí và nước...).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 5 công ty con (1/1/2016: 1 công ty con), 1 văn phòng đại diện tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và 1 chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh.

Trong năm 2016, Công ty đã có quyết định:

- Giải thể Chi nhánh tại Hải Phòng và thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất;
- Giải thể Chi nhánh tại Phú Thọ và thành lập Công ty Cổ phần CECO Hà Nội;
- Giải thể Chi nhánh tại Hà Nội và sáp nhập vào văn phòng Công ty; và
- Giải thể chi nhánh tại Quảng Ngãi.

Chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày báo cáo như sau:

	Lĩnh vực hoạt động	Lợi ích và quyền biểu quyết	
		31/12/2016	1/1/2016
Công ty con			
Công ty Cổ phần máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Sản xuất, gia công cơ khí ngành hóa chất	55,33%	55,33%
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	Sản xuất, gia công cơ khí và xây dựng ngành hóa chất	51%	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	Xây dựng ngành hóa chất	51%	-
Công ty TNHH Quản lý Dự án Hóa chất	Tư vấn quản lý và tư vấn đầu tư xây dựng ngành hóa chất	100%	-
Trung tâm Phát triển Công nghệ CECO	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật hóa học và dịch vụ khoa học công nghệ	100%	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty và các công ty con có 343 nhân viên (1/1/2016: 382 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; và
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

Khấu hao của quyền sử dụng đất có thời hạn được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 41 năm. Quyền sử dụng đất với thời hạn không xác định không được khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên giá trị khối lượng đã được khách hàng xác nhận theo từng lần nghiệm thu. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***4. Báo cáo bộ phận****(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Công ty gồm các bộ phận kinh doanh chính như sau:

- Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình; và
- Các hoạt động khác.

	Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Năm kết thúc ngày 31/12/2016				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	240.472.327.515	17.191.139.278	-	257.663.466.793
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	73.031.664.005	-	(73.031.664.005)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	313.503.991.520	17.191.139.278	(73.031.664.005)	257.663.466.793
Kết quả kinh doanh của bộ phận	52.955.654.805	3.088.907.041	22.727.268	56.067.289.114
Thu nhập không phân bổ				1.768.866.374
Chi phí không phân bổ				(47.063.265.940)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh				10.772.889.548
Thu nhập khác				1.743.178.934
Chi phí khác				(750.381.015)
Thuế thu nhập doanh nghiệp				(2.857.509.477)
Lợi nhuận thuần sau thuế				8.908.177.990

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Năm kết thúc ngày 31/12/2015				
Doanh thu thuần của bộ phận	273.150.274.581	19.679.802.689	-	292.830.077.270
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	15.020.591.020	-	(15.020.591.020)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	288.170.865.601	19.679.802.689	(15.020.591.020)	292.830.077.270
Kết quả kinh doanh của bộ phận	43.303.267.375	4.281.397.778	-	47.584.665.153
Thu nhập không phân bổ				848.778.203
Chi phí không phân bổ				(43.280.309.912)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh				5.153.133.444
Thu nhập khác				5.524.037.553
Chi phí khác				(443.521.137)
Thuế thu nhập doanh nghiệp				(2.367.346.387)
Lợi nhuận thuần sau thuế				7.866.303.473

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất
31/12/2016				
Tài sản của bộ phận	292.021.891.602	37.513.667.250	(90.072.827.860)	239.462.730.992
Tài sản không phân bổ				147.158.649.756
Tổng tài sản				386.621.380.748
Nợ phải trả của bộ phận	281.020.366.756	13.912.190.724	(67.205.602.716)	227.726.954.764
Nợ phải trả không phân bổ				53.476.564.922
Tổng nợ phải trả				281.203.519.686
Năm kết thúc ngày 31/12/2016				
Chi tiêu vốn				13.050.403.675
Khấu hao tài sản cố định hữu hình				4.124.610.603
Khấu hao tài sản cố định vô hình				889.232.319

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất
31/12/2015				
Tài sản của bộ phận	137.523.151.635	33.453.595.393	(15.122.830.041)	155.853.916.987
Tài sản không phân bổ				150.629.377.105
Tổng tài sản				306.483.294.092
Nợ phải trả của bộ phận	184.541.766.469	13.486.097.796	(5.577.830.041)	192.450.034.224
Nợ phải trả không phân bổ				49.395.774.976
Tổng nợ phải trả				241.845.809.200
Năm kết thúc ngày 31/12/2015				
Chi tiêu vốn				1.465.019.462
Khấu hao tài sản cố định hữu hình				3.160.827.207
Khấu hao tài sản cố định vô hình				628.773.060

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Công ty gồm các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào
- Việt Nam

	Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào		Việt Nam		Hợp nhất	
	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND
Doanh thu của bộ phận	134.417.893.971	90.920.568.456	123.245.572.822	201.909.508.814	257.663.466.793	292.830.077.270
Tài sản của bộ phận	87.712.321.046	13.865.782.798	142.031.609.731	129.423.022.104	229.743.930.777	143.288.804.902
Tài sản không phân bổ					156.877.449.971	163.194.489.190
Chi tiêu vốn					13.050.403.675	1.465.019.462

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền mặt	3.148.844.631	2.017.953.864
Tiền gửi ngân hàng	23.391.252.353	35.436.677.007
Các khoản tương đương tiền	63.231.050.000	80.000.000.000
	89.771.146.984	117.454.630.871

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty Cổ phần DAP số 2	33.786.740.026	51.212.122.649
Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam	20.450.817.500	67.300.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	17.031.831.930	1.674.434.907
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	7.910.780.790	3.935.178.765
Công ty Cổ phần Cơ khí Thái Bảo Long	5.815.102.429	-
Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	3.343.442.180	6.198.690.007
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	3.890.562.302	5.054.694.538
Các khách hàng khác	16.861.684.533	29.554.889.466
	109.090.961.690	97.697.310.332

(b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Các công ty con và công ty liên kết của cổ đông chính		
Công ty Cổ phần DAP số 2	33.786.740.026	51.212.122.649
Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	3.343.442.180	6.198.690.007
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	3.890.562.302	5.054.694.538
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	-	60.171.600
	41.020.744.508	62.525.678.794

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào – công ty con của cổ đông chính	178.887.028.173	132.467.703.877
Các khách hàng khác	10.904.279.328	12.555.698.150
	<u>189.791.307.501</u>	<u>145.023.402.027</u>

7. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Phải thu về cho vay thể hiện khoản vay ngắn hạn cấp cho một bên thứ ba, có lãi suất 8%/năm.

8. Phải thu ngắn hạn khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác bao gồm

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tạm ứng cho nhân viên	11.164.103.126	4.104.582.709
Phải thu tiền thuế thu nhập cá nhân của người lao động	38.983.000	996.141.741
Phải thu bảo hiểm xã hội	82.160.869	43.899.314
Kí cược, kí quỹ	91.110.252	-
Phải thu khác	327.007.430	819.922.096
	<u>11.703.364.677</u>	<u>5.964.545.860</u>

(b) Phải thu dài hạn khác bao gồm

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Kí cược, kí quỹ	86.712.526	6.870.145.487

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Dự phòng phải thu khó đòi

		31/12/2016					1/1/2016		
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn									
Công ty TNHH									
Hóa Mỹ Phẩm Hòa Hợp	Trên 3 năm	1.140.277.000	(1.140.277.000)	-		Trên 3 năm	1.140.277.000	(1.140.277.000)	-
Công ty Cổ phần									
Phân lân Nung chảy									
Lào Cai	Trên 3 năm	200.000.000	(200.000.000)	-		Trên 3 năm	200.000.000	(200.000.000)	-
Khác	Trên 3 năm	466.079.554	(466.079.554)	-		Trên 3 năm	545.479.554	(545.479.554)	-
		1.806.356.554	(1.806.356.554)	-			1.885.756.554	(1.885.756.554)	-
<i>Trong đó:</i>									
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(1.806.356.554)						(1.885.756.554)

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

10. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng	Giá gốc VND	Dự phòng
Nguyên vật liệu	992.106.244	-	525.929.280	-
Công cụ và dụng cụ	73.102.839	-	42.865.650	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	119.551.795.735	(119.456.149)	44.981.575.326	-
Hàng hóa	35.964.269	-	41.124.314	-
	120.652.969.087	(119.456.149)	45.591.494.570	-

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Dự án Khai thác và Chế biến muối mỏ tại Huyện Nongbok, Tỉnh Khammuane	87.712.321.046	13.865.782.798
Dự án xây dựng Nhà máy DAP 2	9.232.548.117	11.627.249.917
Dự án khác	22.606.926.572	19.488.542.611
	119.551.795.735	44.981.575.326

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Dụng cụ văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	15.779.431.048	9.286.943.636	804.217.272	9.579.157.668	35.449.749.624
Tăng trong năm	-	2.933.169.729	1.893.925.892	3.317.200.000	8.144.295.621
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	327.986.187	327.114.285	-	-	655.100.472
Số dư cuối năm	16.107.417.235	12.547.227.650	2.698.143.164	12.896.357.668	44.249.145.717
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	7.901.535.877	5.091.858.009	493.307.849	5.874.333.990	19.361.035.725
Khấu hao trong năm	902.454.282	1.221.548.040	482.459.895	1.518.148.386	4.124.610.603
Số dư cuối năm	8.803.990.159	6.313.406.049	975.767.744	7.392.482.376	23.485.646.328
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	7.877.895.171	4.195.085.627	310.909.423	3.704.823.678	16.088.713.899
Số dư cuối năm	7.303.427.076	6.233.821.601	1.722.375.420	5.503.875.292	20.763.499.389

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 9.095 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 8.823 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 8.655 triệu VND (1/1/2016: 7.382 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 18).

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	2.377.166.400	2.593.050.000	4.970.216.400
Tăng trong năm	-	1.000.900.000	1.000.900.000
Thanh lý	(719.000.000)	-	(719.000.000)
Số dư cuối năm	1.658.166.400	3.593.950.000	5.252.116.400
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	70.775.397	1.617.968.288	1.688.743.685
Khấu hao trong năm	40.443.084	848.789.235	889.232.319
Số dư cuối năm	111.218.481	2.466.757.523	2.577.976.004
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	2.306.391.003	975.081.712	3.281.472.715
Số dư cuối năm	1.546.947.919	1.127.192.477	2.674.140.396

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 quyền sử dụng đất có giá trị còn lại là 1.546 triệu VND (1/1/2016: 1.587 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 18).

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	25.571.626	1.109.430.679
Tăng trong năm	3.905.208.054	630.219.462
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(655.100.472)	(1.714.078.515)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(752.352.945)	-
Số dư cuối năm	2.523.326.263	25.571.626

Xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 1 tháng 1 năm 2016 phản ánh giá trị máy móc chưa được lắp đặt xong.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

		31/12/2016 và 1/1/2016					
	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:							
• Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh	Tây Ninh	163.800	1,14%	1,14%	1.638.000.000	-	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính dài hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn như sau:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nga Sơn	11.600.632.500	-
Tổng Công ty 36	6.517.497.205	-
Công ty Cổ phần Cơ điện Hà Bắc	4.158.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhật Nam	2.170.593.816	-
Công ty MITCO	2.095.585.000	-
Công ty TNHH Sino Channel Asia	-	15.562.215.789
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	-	3.901.756.213
Công ty Cổ phần Nhật Nam	-	3.583.163.336
Các nhà cung cấp khác	16.108.376.630	16.135.859.937
	42.650.685.151	39.182.995.275

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã được khấu trừ trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.585.951.261	19.586.501.166	(7.314.480.268)	(11.284.069.836)	2.573.902.323
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.497.742.324	2.857.509.477	(3.002.200.824)	-	1.353.050.977
Thuế thu nhập cá nhân	245.068.111	1.104.602.081	(1.221.823.997)	-	127.846.195
Các loại thuế khác	11.135.000	96.546.597	(93.068.650)	-	14.612.947
	3.339.896.696	23.645.159.321	(11.631.573.739)	(11.284.069.836)	4.069.412.442

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trích trước chi phí các công trình	20.379.419.457	39.501.858.484
Trích trước chi phí lãi vay	294.026.527	357.816.551
Trích trước khác	775.205.143	-
	21.448.651.127	39.859.675.035

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay ngắn hạn

	1/1/2016		Biến động trong năm		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	9.411.946.457	9.411.946.457	24.777.969.310	(20.117.978.223)	14.071.937.544	14.071.937.544
Vay dài hạn đến hạn trả	86.833.340	86.833.340	-	(86.833.340)	-	-
	9.498.779.797	9.498.779.797	24.777.969.310	(20.204.811.563)	14.071.937.544	14.071.937.544

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Đồng Nai (*)	VND	7,5%	5.991.937.544	4.961.565.657
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Đồng Đa	VND	7,5%	-	990.380.800
Vay cá nhân	VND	8% - 9,5%	8.080.000.000	3.460.000.000
			14.071.937.544	9.411.946.457

(*) Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất có giá trị ghi sổ là 1.546 triệu VND (1/1/2016: 1.587 triệu VND) (Thuyết minh 12) và tài sản cố định có giá trị còn lại là 8.655 triệu VND (1/1/2016: 7.382 triệu VND) tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Thuyết minh 11).

Các khoản vay khác không có tài sản đảm bảo.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Nguồn kinh phí VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	29.885.180.000	9.778.628.867	17.259.066.486	9.142.245.275	-	66.065.120.628
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	7.304.174.275	562.129.198	-	7.866.303.473
Phân bổ vào các quỹ	-	4.343.055.021	(4.343.055.021)	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(2.531.344.330)	(82.058.879)	-	(2.613.403.209)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(5.977.036.000)	(703.500.000)	-	(6.680.536.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	29.885.180.000	14.121.683.888	11.711.805.410	8.918.815.594	-	64.637.484.892
Phát hành cổ phiếu trong năm	29.885.180.000	-	-	8.191.500.000	-	38.076.680.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	8.157.958.963	750.219.027	-	8.908.177.990
Nhà nước cấp kinh phí	-	-	-	-	532.533.000	532.533.000
Phân bổ vào các quỹ	-	4.336.006.879	(4.336.006.879)	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(15.365.483)	-	(15.365.483)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	28.445.621	-	-	28.445.621
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(5.977.030.812)	(773.064.146)	-	(6.750.094.958)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	59.770.360.000	18.457.690.767	9.585.172.303	17.072.104.992	532.533.000	105.417.861.062

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần đã được duyệt và phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	5.977.036	59.770.360.000	2.988.518	29.885.180.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	5.977.036	59.770.360.000	2.988.518	29.885.180.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2016		2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	2.988.518	29.885.180.000	2.988.518	29.885.180.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	2.988.518	29.885.180.000	-	-
Số dư cuối năm	5.977.036	59.770.360.000	2.988.518	29.885.180.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn cổ phần đã được các cổ đông góp đủ, chi tiết như sau:

	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số vốn góp tại ngày 31/12/2016 VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1.787.492	29,91%	17.874.920.000
Cổ đông cá nhân 1	1.106.631	18,51%	11.066.310.000
Cổ đông cá nhân 2	1.011.026	16,92%	10.110.260.000
Cổ đông cá nhân 3	960.882	16,08%	9.608.820.000
Các cổ đông khác	1.111.005	18,58%	11.110.050.000
	5.977.036	100%	59.770.360.000

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 23 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối từ lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2015 khoản cổ tức 5.977 triệu VND (2015: 5.977 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2014).

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	8.601	195.182.686	689.967	15.489.585.166
LAK	2.949.600.000	7.226.520.000	3.000.000.000	7.350.000.000
EUR	496.487	11.842.201.007	60.092	1.469.001.943
		<u>19.263.903.693</u>		<u>24.308.587.109</u>

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2016 VND	2015 VND
Tổng doanh thu		
▪ Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	206.234.439.487	248.572.940.366
▪ Hoạt động tư vấn thiết kế	35.120.227.622	24.828.935.206
▪ Bán hàng	12.450.979.780	16.263.497.223
▪ Doanh thu khác	4.708.249.498	3.416.305.466
	<u>258.513.896.387</u>	<u>293.081.678.261</u>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(850.429.594)	(251.600.991)
Doanh thu thuần	<u>257.663.466.793</u>	<u>292.830.077.270</u>

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

25. Giá vốn hàng bán

	2016 VND	2015 VND
Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	172.527.091.531	213.334.035.880
Hoạt động tư vấn thiết kế	14.966.853.911	16.512.971.326
Hoạt động bán hàng	11.375.071.302	13.089.361.102
Hoạt động khác	2.727.160.935	2.309.043.809
	201.596.177.679	245.245.412.117

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	1.478.039.177	831.381.747
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	290.827.197	8.918.520
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	8.477.936
	1.768.866.374	848.778.203

27. Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay	724.723.839	6.496.238.210
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	85.453.800	149.331.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	663.591.943	-
Chi phí tài chính khác	5.985.169	3.958.862
	1.479.754.751	6.649.528.072

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lương	23.494.109.274	15.221.522.216
Chi phí đồ dùng văn phòng	348.899.747	273.030.782
Chi phí khấu hao	2.025.450.179	1.327.737.262
Thuế, phí và lệ phí	862.218.850	534.227.305
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	199.567.637
Xóa sổ khoản tạm ứng và phải thu từ cán bộ, nhân viên	1.195.213.070	-
Chi phí bảo hiểm	731.089.452	1.273.631.210
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.926.530.617	17.801.065.428
	45.583.511.189	36.630.781.840

29. Thu nhập khác

	2016 VND	2015 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	567.363.641	22.409.091
Khoản phải trả nhà cung cấp được xóa nợ	416.231.410	5.499.805.725
Khác	759.583.883	1.822.737
	1.743.178.934	5.524.037.553

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	200.706.762.588	193.603.253.216
Chi phí nhân công	77.442.192.241	58.256.855.896
Chi phí khấu hao	5.013.842.922	3.789.600.267
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.518.492.875	28.010.551.504
Chi phí khác	4.024.520.639	250.717.568

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

31. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2016 VND	2015 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	2.857.509.477	2.351.061.707
Dự phòng thiếu các năm trước	-	16.284.680
	<u>2.857.509.477</u>	<u>2.367.346.387</u>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	11.765.687.467	10.233.649.860
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	2.353.137.493	2.251.402.969
Chi phí không được khấu trừ thuế	504.371.984	99.658.738
Dự phòng thiếu các năm trước	-	16.284.680
	<u>2.857.509.477</u>	<u>2.367.346.387</u>

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2016 (2015: 22%).

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được tính dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	8.157.958.963	7.304.174.275
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	-	(795.411.000)
	8.157.958.963	6.508.763.275

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 Công ty và các công ty con chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 có thể được phân bổ thêm vào quỹ khen thưởng và phúc lợi. Nếu Công ty và các công ty con trích thêm quỹ khen thưởng và phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi, và theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng sẽ giảm đi.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2016	2015
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	2.988.518	2.988.518
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 4 tháng 10 năm 2016	720.519	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	3.709.037	2.988.518

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016	2015
	VND	VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam – Cổ đông chính		
Cổ tức	3.718.695.300	3.153.636.000
Cung cấp dịch vụ	-	2.552.195.173
Các công ty con và công ty liên kết của cổ đông chính		
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng		
Cung cấp dịch vụ	360.000.000	1.622.240.000
Công ty Cổ phần DAP số 2		
Cung cấp dịch vụ	-	114.970.318.928
Bán hàng hóa	-	294.000.000
Mua hàng hóa	276.363.636	-
Công ty Cổ phần Hoir kỹ nghệ Que hàn		
Mua hàng hóa	226.339.000	156.283.000
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	134.838.034.460	73.777.671.150
Công ty Cổ phần Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao		
Cung cấp dịch vụ	2.614.553.844	8.202.873.312
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc		
Cung cấp dịch vụ	825.083.093	7.850.869.836
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì		
Cung cấp dịch vụ	986.228.182	2.639.664.144
Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển		
Cung cấp dịch vụ	5.337.256.363	836.002.395
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam		
Cung cấp dịch vụ	2.867.802.728	1.588.440.909
Công ty Cổ phần Bột giặt Lix		
Cung cấp dịch vụ	2.130.403.000	1.037.664.000
Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền		
Cung cấp dịch vụ	100.000.000	-

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2016	2015
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	409.090.909	453.700.000
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam		
Cung cấp dịch vụ	530.000.000	-
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	2.736.988.535	2.773.325.757
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền thù lao	460.000.000	457.000.000

Ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Tuyết Chinh
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:




Đinh Đức Bộ
 Kế toán trưởng

Handwritten signature of Nguyễn Mạnh Hùng
 Giám đốc

